HỘ KINH DOANH LÊ DUY CHUNG

-----ଓଓ✪ଌଌ-----

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT

CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA CƠ SỞ TRANG TRẠI CHĂN NUÔI LỢN THƯƠNG PHẨM

Địa điểm: Xóm Vận Lộc 2, xã Nghĩa Lộc, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An

Nghĩa Đàn, năm 2022

HỘ LINH DOANH LÊ DUY CHUNG

-----ଓଓ✪ଌଌ-----

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT

CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA CƠ SỞ TRANG TRẠI CHĂN NUÔI LỢN THƯƠNG PHẨM

Địa điểm: Xóm Vận Lộc 2, xã Nghĩa Lộc, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An

CHỦ CƠ SỞ

Lê Duy Chung

Nghĩa Đàn, năm 2022

MỤC LỤC

MỤC LỤC i
Chương I 1
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ 1
1.1. Tên chủ cơ sở 1
1.2. Tên cơ sơ 1
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở 1
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở 1
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở 1
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở 2
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở 2
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở 4
Chương II 6
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI 6
CỦA MÔI TRƯỜNG 6
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường 6
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường 6
Chương III 9
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ 9
MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 9
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải 9
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa 9
3.1.2. Công trình thu gom và xử lý nước thải 9
3.1.3. Xử lý nước thải 11
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải 16
3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường 17
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại 19
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung 19
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường 19
Chương IV 21
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 21
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải 21
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải 21
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung 22
Chương V 23
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 23
5.1. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo 23
5.1.1. Kết quả quan trắc nước thải 23

5.1.2. Kết quả quan trắc nước mặt nguồn tiếp nhận.....23
5.1.3. Kết quả quan trắc môi trường không khí.....24
Chương VI.....25
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....25
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:.....25
6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....25
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.....25
Chương VIII.....28
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....28
PHỤ LỤC BÁO CÁO.....29

DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU

Bảng 1.1. Nguyên liệu sản xuất....2
Bảng 1.2. Khâu phần ăn cho lợn 3
Bảng 1.3. Tiêu chuẩn dùng nước trong chăn nuôi lợn 3
Bảng 1.4. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước cho chăn nuôi 4
Bảng 1.5. Bảng tổng hợp các hạng mục công trình của dự án 5
Bảng 3.1. Khối lượng chất thải nguy hại của cơ sở 19
Bảng 5.1. Kết quả quan trắc nước thải trước và sau xử lý 23
Bảng 5.2. Kết quả quan trắc nước mặt 23
Bảng 5.3. Kết quả quan trắc môi trường không khí 24
Bảng 6.1. Danh mục chi tiết kế hoạch VHTN các công trình xử lý chất thải 25
Bảng 6.2 Kế hoạch quan trắc chất thải 25

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1.1. Quy trình chăn nuôi lợn thịt tại cơ sở.....1
Hình 3.1. Sơ đồ thu gom thoát nước mưa chảy tràn.....9
Hình 3.2. Rãnh thu gom và thoát nước mưa 9
Hình 3.3. Sơ đồ thu gom nước thải sinh hoạt.....10
Hình 3.4. Sơ đồ thu gom nước thải chăn nuôi.....10
Hình 3.5. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải.....11
Hình 3.5. Hình ảnh bể Biogas tại cơ sở.....13
Hình 3.6. Hình ảnh các hồ sinh học 1,2,3.....15
Hình 3.7. Hình ảnh hồ sử lý triệt để 15
Hình 3.8. Quạt hút gió và hệ thống làm mát chuồng trại 17
Hình 3.9. Hình ảnh mặt cắt hố chôn.....19

Chương I
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: hộ gia đình Lê Duy Chung.

- Địa chỉ văn phòng: Đường Trà Lân, phường Quang Tiến, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.

- Người đại diện pháp luật của chủ cơ sở: Lê Duy Chung.

- Điện thoại: 0978381628.

- Số chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh: Số 27G800000039 đăng ký lần đầu ngày 23/02/2021.

1.2. Tên cơ sơ

- Tên cơ sở: Cơ sở chăn nuôi lợn thương phẩm.

- Địa điểm cơ sở: Xóm Vạn Lộc 2, xã Nghĩa Lộc, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần: không có.

- Quy mô của cơ sở: Theo phân loại tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công Cơ sở có tổng mức đầu tư là 2.000.000.000 đồng, căn cứ mục C, phụ lục I, Nghị định 40/2020/NĐ-Cp của Chính phủ hướng dẫn Luật đầu tư công thì dự án thuộc nhóm C.

- Căn cứ lập báo cáo đề xuất GPMT:

+ Căn cứ điểm a, khoản 5, điều 28, Luật bảo vệ môi trường năm 2020 và căn cứ mục 1, phụ lục V, Nghị định 08/2022/NĐ-CP thì dự án thuộc nhóm III.

+ Căn cứ khoản 2, điều 39 và khoản 4, điều 41, Luật bảo vệ môi trường thì Cơ sở thuộc đối tượng phải lập báo cáo đề xuất cấp GPMT trình UBND huyện xem xét, thẩm định và cấp phép.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

- Quy mô chăn nuôi lợn thịt thương phẩm: Mỗi năm cơ sở chăn nuôi khoảng 480 con lơn/năm.

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Quy trình chăn nuôi lợn tại cơ sở:

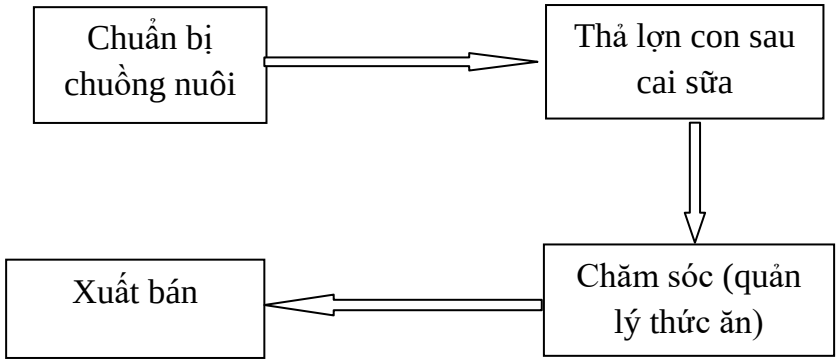

Hình 1.1. Quy trình chăn nuôi lợn thịt tại cơ sở

Thời gian chăm sóc lợn được chia làm các giai đoạn như sau: Lợn con sau cai sữa được nhập từ Công ty TNHH Thành Đô Nghệ An về nuôi tại Trang trại tlợn quy trình sau: Lợn sau cai sữa (khoảng 7-8kg) nuôi đến 15 kg trong vòng 1 tháng; Lợn từ 15kg đến 30 kg nuôi trong vòng 1,5 tháng; Lợn từ 30 kg đến 60 kg nuôi trong vòng 1 tháng; Lợn từ 60 kg đến xuất chuồng nuôi trong vòng 1 tháng. Lợn sau khi nuôi được 4,5 tháng đạt được trọng lượng từ 90 - 100 kg sẽ được xuất bán .

**** Chế độ cho ăn:***

- Dùng thức ăn đậm đặc, hỗn hợp của các Công ty TNHH Thành Đô Nghệ An.

- Phương thức cho ăn định lượng:

+ Lợn dưới 60 kg: Ở giai đoạn này cho ăn tự do tlợn nhu cầu phát triển của lợn *(ở giai đoạn dưới 30 kg cho lợn ăn thành nhiều bữa trong ngày)*.

+ Từ 61 kg đến lúc giết thịt: Ở giai đoạn này nếu cho ăn nhiều lợn sẽ mập do tích lũy mỡ, nên sẽ cho ăn 3 bữa/ngày

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Mỗi năm cơ sở cung cấp cho thị trường khoảng 480 con lợn thịt tương đương với khoảng 20 tấn thịt lợn/năm.

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

a. Nhu cầu nguyên, nhiên liệu sử dụng của Dự án

Bảng 1.1. Nguyên liệu sản xuất

STT	Tên nguyên liệu	Đơn vị	Tên gọi thông thường	Nhu cầu	Xuất xứ
1	Lợn con	Con/năm	-	480	Việt Nam
2	Vaccin LMLM type O	Liều/con	Vaccin phòng lở mồm long móng	480	Việt Nam
3	Cồn Iot sát trùng	lít/năm	-	100	Việt Nam
4	Vaccin Pasteurella	Liều/con	Vaccin phòng bệnh tụ huyết trùng	480	Việt Nam
5	Vaccin Vimefloro F.D.P/vime Sone	Liều/con	Vaccin phòng bệnh thương hàn	480	Việt Nam
6	Vaccin Hog Cholera (pestiffa)	Liều/con	Vaccin phòng bệnh dịch tả	480	Việt Nam
7	Vaccin Ecoli (Litter guard LT)	Liều/con	Vaccin phòng bệnh tiêu chảy	480	Việt Nam
8	Effective microorganisms	Lít/năm	Chế phẩm sinh học EM	100	Việt Nam
9	Ampi – col	Kg/năm	Nhiễm khuẩn tiêu hoá, hô hấp	8,31	Việt Nam
10	Pharmequin	Kg/năm	E.coli, phó thương hàn, tụ huyết trùng sưng phù đầu	4,2	Việt Nam
11	Benkocid	Lít/năm	Hoá chất tiêu độc sát trùng	100	Việt Nam

12	Parvol + ADI	ml/con	Vaccin trị dại + xổ lãi	2	Thái Lan
13	Mycoplasma	ml/con	-	2	Thái Lan
14	PRRS	ml/con	Tai xanh	2	Thái Lan
15	Parvo2 + AD2	ml/con	Thuốc trị dại + xổ lãi	2	Thái Lan
16	SFV	ml/con	Vaccin trị dịch tả	2	Thái Lan
17	FMD	ml/con	Vaccin điều trị lở mồm long móng	2	Thái Lan
18	Amino	ml/con	Thuốc hỗ trợ khi lợn có vấn đề về sức khoẻ	2	Thái Lan
19	Glocoza	ml/con	Thuốc hỗ trợ khi lợn có dấu hiệu bỏ ăn	2	Thái Lan

(Nguồn: Nhu cầu thực tế tại cơ sở)

b. Khẩu phần ăn cho lợn

Bảng 1.2. Khâu phần ăn cho lợn

STT	Trọng lượng lợn	Loại thức ăn	Nhu cầu thức ăn trung bình (kg/con/ngày)
1	7 – 15 (kg)	Thức ăn lợn con	0,1 – 0,7
2	15 – 30 (kg)	Thức ăn lợn con	0,8 – 1,7
3	31 – 60 (kg)	Thức ăn lợn choai	1,7 – 2,5
4	61 – 100 (kg)	Thức ăn lợn thịt	2,5 – 2,8

(Nguồn: Nhu cầu thực tế tại cơ sở)

c. Nhu cầu điện, nước

(1) Nhu cầu sử dụng điện:

- Nguồn cung cấp điện cho cơ sở được lấy từ đường điện trung thế 35KVA, theo số liệu thực tế lượng điện tiêu thụ của dự án khoảng 1.000kw/tháng. Chủ yếu phụ phụ chiếu sáng, bơm nước, chiếu sáng.

(2) Nhu cầu sử dụng nước:

Nước dùng trong sản xuất và phục vụ sản xuất bao gồm: nước cho lợn uống, rửa nền chuồng, nước sát trùng công nhân, phương tiện ra vào và rửa thiết bị, dụng cụ. Nhu cầu sử dụng nước trong sản xuất theo TCVN 3772:1983 – Yêu cầu thiết kế trại nuôi lợn như sau:

Bảng 1.3. Tiêu chuẩn dùng nước trong chăn nuôi lợn

STT	Loại lợn	Tiêu chuẩn dùng nước (lít/con/ngày)
1	Lợn đực làm việc và lợn nái nuôi con	40
2	Lợn thịt và lợn chửa	20
3	Các loại lợn khác	15

(Nguồn: TCVN 3772:1983)

- Đối với nhu cầu nước uống: Theo sổ tay thực hành VietGap trong chăn nuôi lợn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, nước uống cho heo ước tính như sau:

Bảng 1.4. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước cho chăn nuôi

STT	Mục đích sử dụng	Định mức cấp nước	Số lượng	Tổng lượng nước cấp (m^3/ngày)
1	Nước cấp cho sinh hoạt	120 lít/ngày	4 người	0,48
2	Nước cấp cho heo thịt bao gồm nước cho heo uống, rửa nền chuồng, rửa thiết bị dụng cụ là 20 lít/con/ngày (theo TCVN 3772:1983)	20 lít/con/ngày	480 con	9,6
3	Lượng nước tiểu heo	2 lít/con/ngày	480	0,96
3	Nước cấp cho hoạt động sát trùng công nhân	7 lít/ngày	-	0,007
4	Nước vệ sinh dụng cụ	1 m^3/ngày	-	1
5	Nước làm mát chuồng trại	10 lít/tấm/ngày	24 tấm	0,24
Tổng cộng				**12,3**

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tính toán và tổng hợp)

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

a. Vị trí địa lý của dự án

- Cơ sở chăn nuôi lợn thương phẩm có địa chỉ tại xóm Vạn Lộc 2, xã Nghĩa Lộc, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An;

- Nhu cầu sử dụng đất để thực hiện dự án: Dự án được thực hiện trên diện tích 35000 m^2 thuộc thửa đất số 117, tờ bản đồ số 252, địa chỉ thửa đất: Gò Chè, xóm Trung Khánh, Nghĩa Khánh, Nghĩa Đàn, Nghệ An;

- Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng: 35.000 m^2;

- Mục đích sử dụng: Đất được sử dụng đến 01/12/2034 căn cứ theo hợp đồng thuê đất giữa ông Lê Duy Chung và ông Nguyễn Xuân Liệu ký kết vào ngày 01/9/2019. *(hợp đồng kèm theo phụ lục báo cáo)*

- Nguồn gốc sử dụng đất: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QDS đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất;

- Thửa đất số: 117; tờ bản đồ số 252;

- Ranh giới khu vực thực hiện Dự án như sau:

+ Bắc giáp: Đất lâm nghiệp.

+ Nam giáp: Đất lâm nghiệp.

+ Đông giáp: Đất lâm nghiệp.

+ Tây giáp: Đất lâm nghiệp.

b. Các hạng mục công trình của cơ sở

Bảng 1.5. Bảng tổng hợp các hạng mục công trình của dự án

STT	Khoản mục	Kích thước (m^2)
1	Đường vào khu chăn nuôi	234
2	Xây dựng hàng rào cách ly	120
3	Xây dựng nhà điều hành và các nhà phụ trợ	50
4	Xây dựng chuồng trại	12.000
5	Hệ thống xử lý chất thải	200
6	Hệ thống mương thoát nước nội bộ	40
7	Hệ thống đường giao thông nội bộ	140
9	Đào hệ thống hồ lắng	500

(Nguồn: Theo thực tế hiện trạng cơ sở)

Chương II
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Tại thời điểm lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường cho Cơ sở thì Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Nước thải của cơ sở sau khi được xử lý đạt đạt QCVN 62MT:2016/BTNMT Cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sẽ được dẫn vào nguồn tiếp nhận là khe thoát nước khu vực.

- Đánh giá khả năng chịu tải: Để đánh giá tác động của hoạt động xả thải từ dự án đến chất lượng của nguồn nước sông Rào Cái thì trước hết phải đánh giá khả năng nhận thải hiện tại của nó và với khả năng đó có đáp ứng được nhu cầu xả thải của dự án hay không, để xem xét mối tương quan này chúng tôi đã tiến hành phân tích, đánh giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017, của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải; thông tư 02/2020/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 về Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường thì sức chịu tải của nguồn nước, cụ thể như sau:

**** Công thức đánh giá: Ltn = (Ltđ - Lnn) x Fs***

Trong đó :

L_{tn} : Khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải đối với từng thông số ô nhiễm, đơn vị tính là kg/ngày.

$L_{tđ}$: Tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt đối với đoạn sông, đơn vị tính là kg/ngày.

L_{nn} : Tải lượng của thông số chất lượng hiện có trong nguồn nước của đoạn sông,
đơn vị tính là kg/ngày.

F_s : Hệ số an toàn. Fs = 0,7 - 0,9.

Xác định và tính toán từng thông số như sau:

Áp dụng QCVN 08-MT:2015/BTNMT, nguồn nước đang đánh giá dùng cho mục đích sử dụng khác nên giá trị giới hạn các chất ô nhiễm trong nguồn nước được xác định theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (cột B_1), cụ thể:

Thông số	TSS	BOD_5	COD	Tổng N
C_{qc} (mg/l)	50	15	30	1

- Áp dụng công thức tính toán tải lượng ô nhiễm tối đa thông số chất lượng nguồn tiếp nhận:

$$L_{tđ} = Q_s \times C_{qc} \times 86,4$$

Trong đó:

$L_{tđ}$ (kg/ngày) là tải lượng ô nhiễm tối đa của nguồn nước đối với chất ô nhiễm đang xem xét;

Q_s(m^3/s) là lưu lượng dòng chảy nhỏ nhất tại nguồn tiếp nhận cần đánh giá trước khi tiếp nhận nước thải (Q_s = 0,15 m^3/s);

C_{qc} (mg/l) là giá trị giới hạn nồng độ chất ô nhiễm ứng với mục đích sử dụng đang xem xét được quy định tại QCVN 08-MT:2015/BTNMT;

86,4 là hệ số chuyển đổi đơn vị thứ nguyên từ (m^3/s) x (mg/l) sang (kg/ngày).

Ta có tải lượng ô nhiễm tối đa nguồn nước có thể tiếp nhận đối với các chất ô nhiễm trên lần lượt như sau:

Thông số	TSS	BOD_5	COD
Q_s (m^3/s)	0,15	0,15	0,15
C_{qc} (mg/l)	50	15	30
L_{td} (kg/ngày)	1.728	518	1.036

- Áp dụng công thức tính toán tải lượng chất ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước tiếp nhận:

$$L_{nn} = Q_s \times C_{nn} \times 86,4$$

Trong đó:

L_{nn}(kg/ngày) là tải lượng ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước tiếp nhận;

Q_s (m^3/s) là lưu lượng dòng chảy nhỏ nhất tại nguồn tiếp nhận cần đánh giá trước khi tiếp nhận nước thải (Q_s = 0,15 m^3/s);

C_{nn}(mg/l) là kết quả phân tích giá trị nồng độ của chất ô nhiễm trong nguồn nước trước khi tiếp nhận nước thải *được xác định tại bảng 5.2.*

Ta có tải lượng ô nhiễm sẵn có trong nguồn tiếp nhận của các chất ô nhiễm trên lần lượt như sau:

Thông số	TSS	BOD_5	COD	Tổng N
Q_s (m^3/s)	0,15	0,15	0,15	0,15
C_{nn} (mg/l)	38,5	14,0	29,3	9,14
L_{nn} (kg/ngày)	498,96	181,44	379,73	118,45

- Áp dụng công thức tính toán khả năng tiếp nhận, sức tải đối với từng thông số ô nhiễm cụ thể:

$$L_{tn} = (L_{td} - L_{nn}) \times F_s$$

Trong đó:

F_s là hệ số an toàn, trong trường hợp này hệ số F_s được lấy là 0,5.

Ta cókhả năng tiếp nhận của nguồn nước sau khi tiếp nhận nước thải từ Nhà máy đối với các chất ô nhiễm trên lần lượt như sau:

Thông số	TSS	BOD_5	COD
L_{td} (kg/ngày)	1.728	518	1.036
L_{nn} (kg/ngày)	498,96	181,44	379,73
Hệ số an toàn	0,8	0,8	0,8
L_{tn} (kg/ngày)	983,23	269,24	525,01

Kết luận: Kết quả từ bảng trên cho thấy khe thoát nước khu vực còn khả năng

tiếp nhận đối với tất cả các thông số đánh giá nêu trên. Chủ cơ sở sẽ tiếp tục xử lý nước thải đảm bảo đạt QCVN 62-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, cột B trước khi thải ra nguồn tiếp nhận, để không làm suy giảm chất lượng môi trường nước tiếp nhận.

Chương III
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

- Nước mưa trên mái nhà được dẫn thẳng xuống rãnh thoát nước xung quanh khu vực cơ sở bằng đường ống nhựa PVC D110, dài khoảng 120m.

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực phía sau các chuồng nuôi, quanh khu nhà ở ... được thu gom bằng rãnh hở có kích thước R x H = 0,3 x 0,4m, với chiều dài 450m. Trên hệ thống rãnh thu gom có bố trí các hố ga có kích thước 0,3x0x3x0,5m, có nắp đậy bằng bê tông. Nước mưa chảy tràn sau khi được thu gom sẽ được dẫn vào khe thoát nước khu vực.

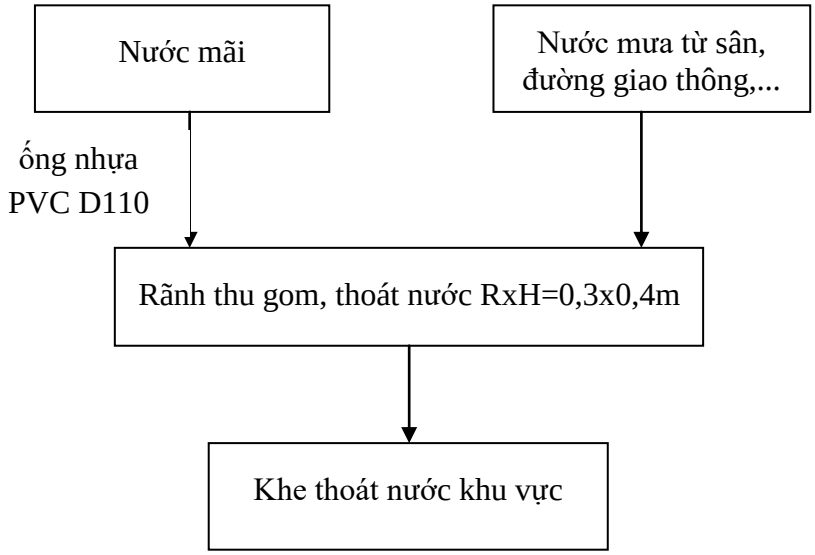

Hình 3.1. Sơ đồ thu gom thoát nước mưa chảy tràn

Hình 3.2. Rãnh thu gom và thoát nước mưa

3.1.2. Công trình thu gom và xử lý nước thải

a. Hệ thống thu gom nước thải

- *Hệ thống thu gom bằng nước thải sinh hoạt:* Với lượng nước thải phát sinh 0,48m^3/ngày.đêm. Nước thải sinh hoạt được thu gom toàn bộ bằng đường ống D110, dài 40m, chạy ngầm dưới nền công trình. Nước thải từ nhà vệ sinh, khu vực rửa tắm rửa... sẽ được dẫn thẳng vào hệ thống thu gom nước thải chăn nuôi và dẫn về hệ thống nước thải tập trung để xử lý.

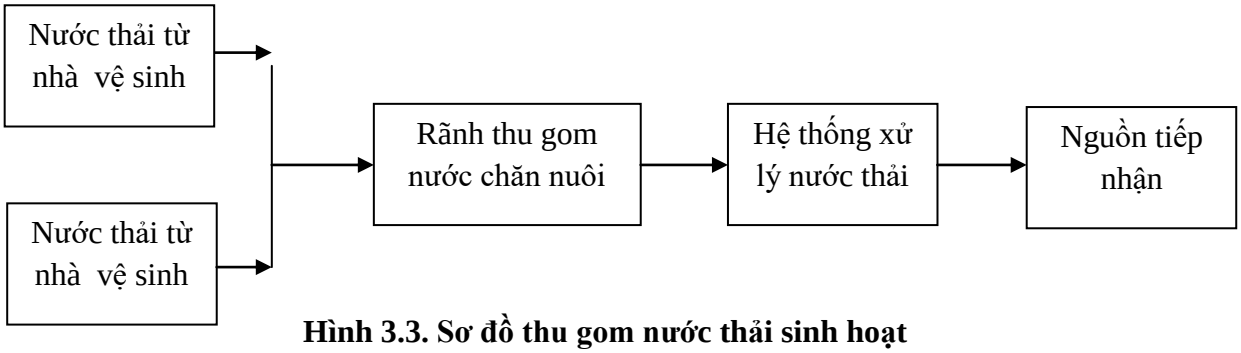

Hình 3.3. Sơ đồ thu gom nước thải sinh hoạt

- Hệ thống thu gom nước thải chăn nuôi: Tổng lượng nước thải chăn nuôi phát sinh là 11,82 m^3/ngày/đêm.

+ Tại các khu vực chuồng nuôi được bố trí hệ thống đường ống nhựa PVC D200, chạy ngầm dưới nền các chuồng nuôi để thu gom nước thải và phân dẫn về mương thu gom chính với tổng chiều dài 200m. Mương thu gom chính của được thiết kế bằng mương hộp B400, dài khoảng 150m, trên mương thu gom được bố trí các hố gom có kích thước 3x1x1x5m, có nắp đậy bằng bê tông.

+ Nước thải sau khi được thu gom dẫn toàn bộ về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 100m^3/ngày.đêm. Nước thải sau khi xử lý tại bể Biogas sẽ được dẫn sang 03 hồ sinh học bằng đường ống PVC D200. Nước sau hồ sinh học sẽ được dẫn sang hồ xử lý triệt để để khử trùng sau đó dẫn vào nguồn tiếp nhận.

- Công trình thoát nước thải: Công trình thoát nước sau xử lý bằng đường ống BTCT D600, dài 3m dẫn vào điểm tiếp nhận là khe thoát nước khu vực.

- Điểm xả nước thải sau xử lý: Vị trí điểm xả nước thải sau xử lý có vị trí cao hơn nguồn tiếp nhận nên việc xả nước thải là rất thuận lợi. Xung quanh vị trí điểm xả thải không có khu dân cư sinh sống, khoảng cách đến hộ dân gần nhất là 500 m đảm bảo quy định về khoảng cách an toàn môi trường.

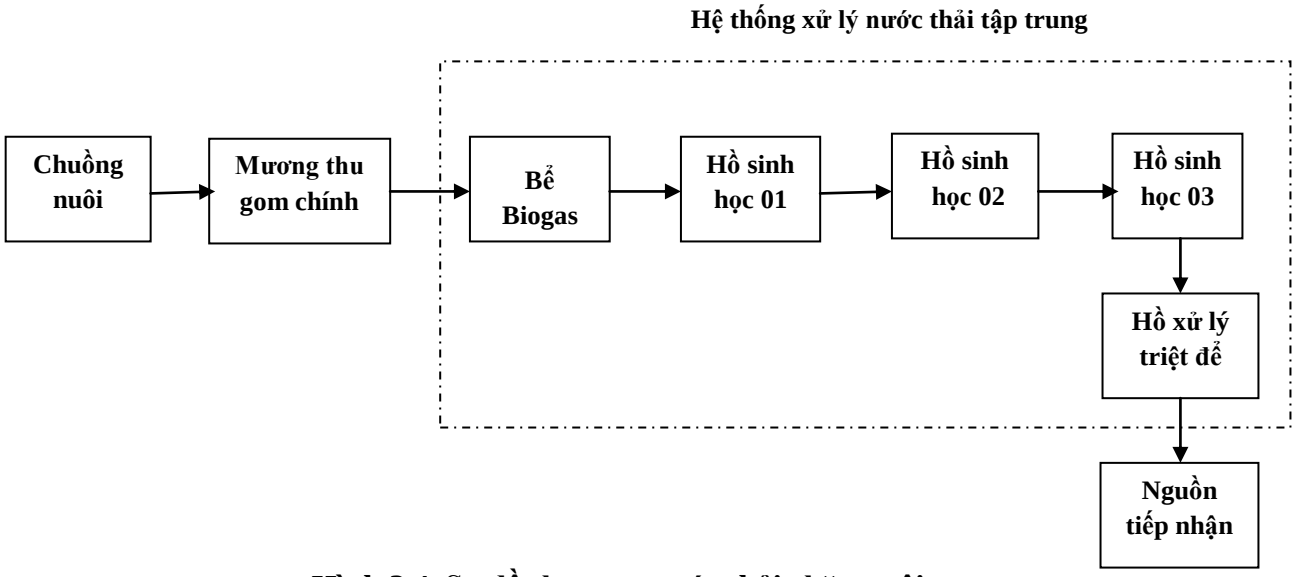

Hình 3.4. Sơ đồ thu gom nước thải chăn nuôi

3.1.3. Xử lý nước thải

Cơ sở đã thực hiện xây dựng hệ thống xử lý nước tập trung có công suất 100m^3/ngày đêm. Toàn bộ nước thải phát sinh của trang trại sẽ được thu gom và xử lý hoàn toàn bằng hệ thống này.

** Sơ đồ quy trình xử lý nước thải của cơ sơ:*

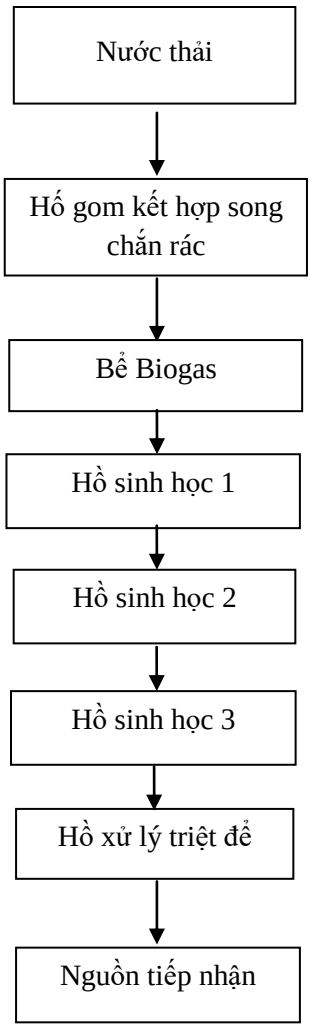

Hình 3.5. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải

**** Thuyết minh sơ đồ công nghệ:***

(1) Bể Biogas:

Tại hầm Biogas toàn bộ lượng nước thải chăn nuôi và phần lớn nước thải của lợn sẽ được phân hủy hoàn toàn thành khí gas và chất vô cơ khác. Hầm Biogas được phủ bạt và lót đáy bằng bạt HDPF siêu bền, chống axit ăn mòn, không bị rò khí gas đồng thời tự phá váng. Khi hút cặn bã (các chất vô cơ, cát, sói) ở đáy thì hệ thống vẫn hoạt động bình thường. Công nghệ xử lý chất thải chăn nuôi bằng hầm Biogas phủ bạt HDPE đã được ứng dụng nhiều ở Việt Nam và mang lại hiệu quả, vừa xử lý được chất thải, vừa tận dụng được khí gas cho mục đích đun nấu vả các mục đích khác.

Chất thải sinh ra từ chuồng trại (chủ yếu nước tiểu, nước vệ sinh chuồng trại, phân) của từng chuồng trại thu gom vào các đường hào thu gom xung quanh chuồng và dẫn về mương thu gom chung của toàn trại. Chất thải được thu gom vào hầm biogas, trong hầm biogas xảy ra các giai đoạn:

- Giai đoạn 1 - giai đoạn thủy phân: Nước thải chăn nuôi lợn có nhiêu polyme

hữu cơ phức lạp và không tan trong nước (Protein, chất béo, carbonhydrat, cellulose, ligin..). Trong giai đoạn thủy phân những polyme hữu cơ bị bẻ gãy bởi các enzym ngoại bào do vsv thủy phân sinh ra..để tạo thành các hợp chất hữu cơ đơn giản hơn. Phản ứng thủy phân sẽ chuyển hóa protêin thành acid amin, carbonhydrat thành đường đơn và chất béo thành acid hữu cơ mạch dài và grixerin. Nhưng phản ứng thủy phân cellulose và các chất hữu cơ phức tạp thành các chất hữu cơ đơn giản xảy ra chậm hơn rất nhiều trong giai đoạn 1 và các giai đoạn sau, yếu tố này cũng hạn chế tốc độ quá trình phân hủy kỵ khí. Tốc độ cùa quá trình thủy phân phụ thuộc vào nồng độ chất nền, lượng vi khuẩn và các yếu tố môi trường khác (tốc độ thủy phân xảy ra rất chậm khi nhiệt độ<20°C)...

- Giai đoạn 2 - giai đoạn acid hoá: Các hợp chất hữu cơ đơn giản từ quá trình phân hủy được các vi khuẩn acetogenic chuyển hóa thành acid acetic, H_2 và CO_2.

- Giai đoạn 3 - giai đoạn acetate hoá*:* Sản phẩm của quá trình acid hóa được tiếp tục chuyển hóa thành nguyên liệu trực tiếp cho quá trình methane hóa. Khoảng 70% COD của nguồn được chuyển thành acid acetic và 30% COD còn lại đóng vai trò là chất cho điện tử và được chuyển hóa thành CO_2 và H_2.

- Giai đoạn 4 - giai đoạn methane hóa: là giai đoạn chậm nhất trong quá trình xử lý yếm khí. Khí methane hình thành từ phản ứng của acid acetic hoặc khí CO_2 và H_2. Quá trình này được thực hiện bởi loại VK *acetotrophic* và *hydrogenotrophic.*

$CH_3COOH \Rightarrow CH_4 + CO_2$; $4H_2 + CO_2 \Rightarrow CH_4 + H_20$

Vi sinh vật tạo methane từ hydro và carbonic *(hydrogenotrophic)* có tốc độ phát triển nhanh hơn nên đóng vai trò quyết định trong quá trình này. Song song với qúa trình phân hủy các chất hữu cơ là quá trình tổng hợp tế bào của tất cả các nhóm vi sinh vật có mặt trong quá trình xử lý.

Từ cơ chế phân hủy chất hữu cơ trong điều kiện yếm khí cho thấy:

- Quá trình hình thành methane COD chuyển thành H_2 chỉ là 30% thông qua nhóm vi khuẩn hyđrogenotrophic. Vì vậy, để đạt hiệu quá xử lý COD cao cần tạo điều kiện cho nhóm vi khuẩn này phát triển.

- Trong giai đoạn acid hóa, pH của môi trường bị giảm do hình thành acid béo và các sản phẩm trung gian có tính acid. Mặt khác chủng loại vi sinh tạo methane chỉ phát triển thuận lợi trong môi trường trung tính. Để khắc phục hiện tượng "chua" cần tạo thế cân bằng giữa hai quá trình acid hóa vả methane hóa bằng cách thúc đẩy hoạt tính của VSV methane hóa và duy trì điều kiện đệm (hệ đệm là CHO_3^- / CO_3^{2-}).

Sản phẩm gồm: CH_4: 60-70%; CO_2: 30-40%; Phần còn lại là một lượng nhỏ khí N_2, H_2....

- *Khí sinh ra từ hầm hiogas:* Được thu gom về hệ thống lọc, để loại bỏ H_2S, CO_2 khí còn lại là CH_4 được cung cấp cho đun nấu và chạy máy phát điện sản sinh ra điện cung cấp lại cho các hoạt động cho trại.

Hình 3.5. Hình ảnh bể Biogas tại cơ sở

(2) Hồ sinh học 1,2,3 - Hồ tùy tiện 1,2,3

- Phương thức vận hành:

Nước thải từ bể Biogas được dẫn qua hồ tuỳ tiện, tại đây nước thải được xử lý bằng cả 2 quá trình kỵ khí và hiếu khí, chất thải rắn được lắng về phía cuối hồ. Chất thải rắn lắng dưới đáy hồ sẽ diễn ra qua trình phân huỷ kỵ khí. Nếu BOD_5, COD tại hồ cao hơn 200mg/l bổ sung thêm men vi sinh khử Nitơ với tỷ lệ 1,5kg/100m^3 nước thải.

- Quy trình chuyển hoá nước thải:

Nhằm để đảm bảo các điều kiện "hiếu khí tùy tiện", chiều sâu của hồ phải được thiết kế bằng hoặc nhỏ hơn 3,5 m (TCXDVN-51:2008), ở đây hồ sâu 3 m.

Các quá trình diễn ra trong hồ tùy tiện là quá trình xử lý thiếu khí và yếm khí, nhằm tiếp tục loại bỏ các chất ô nhiễm có trong nước thải và khử Nitrate (từ bể Biogas) thành khí Nitơ tự do. Khí Nitơ sinh ra được thoát vào không khí.

Hồ tùy tiện sẽ có 3 vùng khác nhau:

Ở tầng nước trên, do có oxi khuếch tán từ không khí, oxi do quá trình sục khí cưỡng bức nên tiếp tục tạo ra quá trình oxy hóa chất hữu cơ, tại đây, cường độ oxy cung cấp vào sẽ thấp hơn tại Hồ hiếu khí để đảm bảo cho Hồ tuỳ tiện thành môi trường thiếu khí và yếm khí.

Ở tầng nước sâu trong điều kiện yếm khí hoặc thiếu khí (tùy tiện) vi khuẩn phải sử dụng các hợp chất hữu cơ có mặt trong nước thải như là nguồn cacbon và các loại vi khuẩn khử Nitrite và Nitrate Denitrificans (dạng kỵ khí tùy tiện) sẽ tách Oxy của Nitrate (NO^-_3) và Nitrite (NO^-_2) để oxy hóa chất hữu cơ. Nitơ phân tử N_2 tạo thành trong quá trình này sẽ thoát ra khỏi nước.

Phản ứng Nitrate được mô tả bằng phương trình sau:

Nitrate Nitrogen + cacbon hữu cơ → Khí Nitơ + Tăng độ kiềm.

+ Khử Nitrate (NO^-_3):

$NO^-_3 + 1{,}08CH_3OH + H^+ \rightarrow 0{,}065C_5H_7NO_2 + 0{,}47N_2\uparrow + 0{,}76CO_2 + 2{,}44H_2O$.

+ Khử Nitrite (NO^-_2):

$NO^-_2 + 0{,}67CH_3OH + H^+ \rightarrow 0{,}04C_5H_7NO_2 + 0{,}48N_2\uparrow + 0{,}47CO_2 + 1{,}7H_2O$.

Như vậy, để khử Nitơ công trình xử lý nước thải cần:

+ Điều kiện thiếu khí và yếm khí (thiếu oxy tự do).

+ Có Nitrate (NO_3^-) hoặc Nitrite (NO_2^-).

+ Có vi khuẩn kỵ khí tùy tiện khử Nitrate.

+ Có nguồn cacbon hữu cơ.

+ Nhiệt độ nước thải không quá thấp.

Ở lớp cặn đáy các chất hữu cơ thường phân hủy bằng lên men. Sản phẩm tạo ra ở lớp nước đáy hồ là mê tan CH_4, H_2S và một số các chất khí khác.

Các khí CH_4, H_2S được sinh ra từ lớp đáy và được giải phóng đi lên khỏi mặt hồ. Quá trình các khí đi lên và đi qua các lớp nước sẽ tiếp tục xảy ra một số phản ứng khác làm giảm hàm lượng và hạn chế gây mùi ví dụ phản ứng: $H_2S + O_2 => H_2SO_4$.

Nếu quá trình cấp Oxi và khuấy trộn hoàn chỉnh không đảm bảo, thiếu thì các khí (H_2S) có thể đi lên trên mặt hồ và gây mùi hôi. Do đó, trong HỒ TÙY TIỆN cần phải đảm bảo có các thiết bị khuấy trộn hoàn chỉnh và sục khí cưỡng bức.

+ Xử lý Phốt pho:

Ngoài ra, với việc sử dụng đan xen giữa quá trình hiếu khí, thiếu khí và yếm khí cũng diễn ra quá trình khử phot pho trong nước thải bằng cả hai phương pháp sinh học hiếu khí và yếm khí.

Photpho tồn tại trong nước thải dưới các dạng orthophosphate, polyphosphate và phot pho hữu cơ. Trong quá trình xử lý sinh học, photpho trong nước thải được tách ra thông qua việc tạo thành các mô của tế bào vi sinh vật trong quá trình khử chất hữu cơ.

Trong điều kiện hiếu khí thì vi khuẩn sẽ hấp thụ chất hữu cơ và oxy hóa ngoại bào, lấy PO_4^{3-} để tích lũy năng lượng trong nội bào dưới dạng ATP hoặc ADP. Sau đó loại bỏ bùn hoạt tính (tập hợp vi khuẩn chứa chất hữu cơ và tập trung năng lượng cao) ra khỏi nước thải sẽ loại bỏ được Phốt pho. Đây cũng là nguyên tắc xử lý ni tơ và phốt pho thường kết hợp với các công trình sinh học xử lý BOD).

Như vậy, với dây chuyền công nghệ được lựa chọn thiết kế xử lý nước thải hoàn toàn có thể đáp ứng được tiêu chuẩn loại B QCVN 62-MT:2016/BTNMT.

Hồ sinh học 1

Hồ sinh học 2

Hình 3.6. Hình ảnh các hồ sinh học 1,2,3

(3) Hồ sử lý triệt để khử trùng bằng ánh nắng mặt trời

- Phương thức vận hành:

Nước thải từ hồ tuỳ tiện 3 dẫn vào hồ xử lý triệt để, tại đây nước thải được khử trùng trong điều kiện tự nhiên. Trường hợp hồ xử lý xuất hiện nhiều tảo xanh sử dụng thêm Clo bột, vôi bột hoặc than củi để hỗ trợ xử lý diệt vi sinh vật và các loại tảo với tỷ lệ 1mg/1m^3 nước thải. Nước thải sau khi được xử lý thoát ra nguồn tiếp nhận.

- Quy trình chuyển hoá nước thải:

Để khử trùng nước thải đầu ra, người ta có thể tránh sử dụng việc khử trùng rất đắt đỏ bằng bức xạ tử ngoại (UV) và các sản phẩm phụ rất độc của việc khử trùng bằng clo. Khử trùng bằng ánh nắng mặt trời là cách tự nhiên nếu chúng ta có thể tạo ra các điều kiện tối ưu cho tia sáng mặt trời đi sâu qua lớp nước thải trên bề mặt. Hiện tượng này xảy ra với các hồ nông. Người thiết kế có thể kiến nghị chiều sâu an toàn là 1,5m sẽ mang lại hiệu quả cho mục tiêu đề ra.

Khử trùng bằng ánh nắng mặt trời đã thực sự được bắt đầu ngay ở hồ tùy tiện. Quá trình này kéo dài tới giai đoạn hồ xử lý triệt để được thiết kế cho mục đích khử trùng. Nước thải sau hồ tuỳ tiện lượng amoni đã trở đạt tiêu chuẩn của giới hạn cho phép, tuy nhiên trường hợp nồng độ amoni cao có thể cho thêm lượng clo để xử lý, phản ứng tổng diễn ra như sau: $3HClO + 2NH_3 \dashrightarrow N_2 + 3HCl + 3H_2O$

Ngoài ra kết hợp phương pháp nuôi cá trong hồ loại bỏ rong rêu, tảo hình thành do quá trình lắng cặn trong nước thải, hạn chế tối đa lượng chế phẩm bổ sung.

Hình 3.7. Hình ảnh hồ sử lý triệt để

**** Các hạng mục công trình của hệ thống:***

TT	Các hạng mục	Số lượng	Kích thước (DxRxH)m	Thể tích	Thời gian lưu nước
1	Hố thu gom	1	3 x1 x1,5	4,5	0,5
2	Bể Biogas	1	25x21x7	3.675	720
3	Hồ sinh học 1	1	20x20x3	1.200	120
4	Hồ sinh học 2	1	20x20x3	1.200	120
5	Hồ sinh học 3	1	20x18x3	1.080	120
6	Hồ xử lý triệt để	1	100x50x1,5	7.500	120

**** Hiệu quả xử lý của hệ thống***

Lưu lượng nước thải 12,3 m^3/ngày.đêm	Thời gian xử lý 24	DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ								
		BOD_5			COD			TSS		
	Lựa chọn	Đầu vào	Hiệu quả %	Còn lại	Đầu vào	Hiệu quả %	Còn lại	Đầu vào	Hiệu quả %	Còn lại
Bể biogas	1	3000	85%	450	4000	85%	600	3000	70%	900
Hồ SH1	1	450	55%	203	600	55%	270	900	50%	450
Hồ SH2	1	203	55%	91	270	55%	121,5	450	40%	270
Hồ SH3	1	91	55%	41	121,5	55%	55	270	40%	162
Hồ xử lý triệt để	1	41	55%	18	55	55%	25	162	40%	97
QCVN 62- MT: 2016/BTNMT (Cmax, K_q = 0.9; k_f = 1,3)		**117**			**351**			**175,5**		

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

(1) Bụi, khí thải, tiếng ồn từ phương tiện giao thông:

- Giảm tốc độ các loại phương tiện khi vận chuyển trên khu vực Trại nhằm giảm thiểu bụi và đảm bảo an toàn.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc trong Trại.

- Trồng cây xanh cách ly với bên ngoài rộng 5m; khoảng cách giữa các cây là 2m, khoảng cách giữa các hàng là 2m, các hàng cây được trồng xen kẽ nhau. Ưu tiên các loại cây có khả năng hấp thụ mùi như cây: bạch đàn, ngũ da bì, mít.,

- Tận dụng khoảng đất trống giữa các chuồng trại, giữa các khu chức năng để trồng các loại cây ăn quả như: nhãn, vải, xoài...

(2) Bụi, mùi từ kho chứa thức ăn:

Chủ cơ sở áp dụng các biện pháp sau để giảm thiểu mùi hôi tại khu vực này như sau:

- Buộc kín các bao bì đựng thức ăn sau mỗi lần sử dụng.

- Bố trí kho chứa thức ăn tránh hướng gió, có cửa đóng kín để hạn chế mùi.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân: khẩu trang, găng tay, ủng, quần áo bảo hộ, ...

- Trồng cây xanh, cây ăn quả, cây cảnh vào khu đất trống trong Trại để giảm mùi hôi.

(3) Mùi từ khu vực chăn nuôi lợn:

Chủ cơ sở áp dụng các biện pháp sau để giảm thiểu mùi hôi tại khu chăn nuôi lợn như sau:

- Phun khử trùng theo quy định.

- Thường xuyên thu gom phân, quét dọn, cọ rửa chuồng, đảm bảo chuồng luôn sạch sẽ (2 lần/ngày).

- Phun chế phẩm vi sinh EM tại khu vực chuồng trại để khử mùi. EM kìm hãm sự phát triển của các vi sinh vật có hại, phân huỷ các chất dộc có trong mùi hôi thối. NH_3; H_2S, một số chất Amin... Vì vậy khi phun chế phẩm vi sinh EM sẽ giảm mùi hôi thối khu vực chăn nuôi, tần suất phun 2 lần/tuần.

- Lắp đặt quạt hút gió, giàn nước khử mùi sau quạt hút gió tại các chuồng.

Hình 3.8. Quạt hút gió và hệ thống làm mát chuồng trại

(4) Mùi và khí thải từ hệ thống xử lý nước thải:

- Hệ thống mương thu gom, các hó gom, hố ga đều bố trí các nắp mương, nắp hố để tránh mùi phát tán ra xung quanh ảnh hưởng đến môi trường không khí của khu vực. Tuy nhiên, vị trí trang trại nằm cách xa khu dân cư, xung quanh là khu vực cây cối núi rừng nên các tác động phát sinh từ hoạt động xử lý nước thải đến người dân gần như là không có,

(5) Khí thải, bụi phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng:

Việc sử dụng dầu DO chạy máy phát điện dự phòng làm phát sinh bụi, muội than, khí SO_2, CO, CO_2, NO_x... đi vào môi trường không khí. Tuy nhiên, máy phát điện chỉ vận hành trong trường hợp mất điện và sử dụng dầu DO có hàm lượng lưu huỳnh thấp nên nguồn thải ô nhiễm này không thường xuyên. Máy phát điện bố trí cách xa khu vực CBCNV ở và làm việc. Do vậy, các tác động do hoạt động của máy phát điện đến con người và môi trường xung quanh là không đáng kể.

(6) Đối với khí sinh ra từ hầm Biogas:

- Lắp hệ thống đo áp suất khí sinh ra để kiểm soát và vận hành hiệu quả hệ thống hầm biogas. Khí sinh ra từ hầm Biogas được thu gom và dùng phục vụ nấu ăn cho công nhân.

3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

a. Biện pháp giảm thiểu chất thải sinh hoạt

- Hàng ngày cơ sở phát sinh khoảng 2kg/ngày rác thải sinh hoạt.

- Cơ sở đã tiến hành phân loại tại nguồn: Loại chất thải có thể tái chế, tái sử

dụng và chất thải không có khả năng tái chế. Bố trí 03 thùng chứa rác, thể tích 50 lít để phục vụ quá trình thu gom.

+ Đối với chất thải thải hưu cơ như thức ăn thừa, rau củ quả ... được thu gom vào thùng chứa tận dụng để làm thức ăn chăn nuôi. Còn đối với các loại rác như chai nhựa, giấy, bìa... được thu gom để bán phế liệu.

+ Đối với rác thải là chất vô cơ được thu gom vào thùng chứa, sau đó được xử lý bằng phương pháp chôn lấp hợp vệ sinh. Chủ cơ sở bố trí lựa chọn bãi chôn lấp với diện tích của bãi rác là DxRxH = 3x2 x5m = 30m^3được đặt phía tây khuôn viên trong cơ sơ. Đáy hố chôn lấp sẽ được lót một loại vật liệu chống thấm HDPE để chống nước rỉ rác xâm nhập vào môi trường đất, đồng thời khi đổ rác xuống hố sẽ được phun chế phẩm EM rắc thêm lớp vôi bột hạn chế phát sinh mùi, rác được đổ từng lớp, dầm nén chặt, sau lớp rắc là lớp đất dày 15cm.

b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn chăn nuôi

- Phân lợn phát sinh tại các dãy chuồng nuôi được chủ cơ sở cho công nhân tiến hành thu gom hàng ngày, phân và nước tiểu lợn bị cuốn theo dòng nước vệ sinh dẫn về bể Biogas. Trong Hầm Biogas, dưới sự tác động của chế phẩm vi sinh tốc độ cao; kết hợp với sự tác động của các loại vi sinh vật kỵ khí; sẽ phân hủy kỵ khí các chất hữu cơ có mạch hóa học lớn thành các chất hữu cơ dễ phân hủy hơn. Tạo điều kiện cho các quá trình xử lý chất thải phía sau. Đồng thời sinh ra các khí Biogas phục vụ nhu cầu sinh hoạt.

- Vỏ bao bì đựng thức ăn chăn nuôi sẽ được thu gom lưu giữ tại kho chứa diện tích khoảng 16m^2. Sau khi thu gom sẽ được trả lại cho đơn vị cung cấp là Công ty TNHH Thành Đô Nghệ An.

c. Biện pháp xử lý xác lợn chết

Xác lợn chết được xử lý bằng phương pháp chôn lấp: Việc chôn lấp, tiêu hủy lợn chết đucợ thực hiện theo đúng quy trình chôn lấp, tiêu hủy xác chết tuân theo QCVN 01 - 41:2011/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật. Cụ thể như sau:

- Bước 1: Khi việc đào hố hoàn tất, cho phân rác xuống đáy hố.

- Bước 2: Xếp xác động động vật và sản phẩm động vật tiêu hủy xuống đáy hố.

- Bước 3: Rải một lớp phân rác trên đống xác. Có thể rắc thêm vôi bột lên lớp trên cùng đống xác. Tuyệt đối không dùng dầu hay xăng để đốt trước khi lấp đất.

- Bước 4. Lấp đất cho bằng miệng hố và nén chặt.

- Bước 5: Đắp đất thê, ở trên miệng hố theo hình chóp cụt với chiều cao 0,6-1m và rộng ra xung quanh miệng hố 0,3-0,4m để tránh nước mưa chảy tràn vào hố chôn.

- Bước 6: Phía ngoài khu vực hố chôn, cách khoảng 1m, tạo một rãnh nước với kích thước :rộng 25-30cm và sâu 25-30cm, để ngăn nước mưa thoát ra ngoài.

- Bước 7: Trên bề mặt rắc vôi bột hoặc phun dung dịch chlorine nồng độ 2%.

- Bước 8: Sau khi hoàn tất việc chôn, đặt biển cảnh báo khu vực chôn lấp, cử người theo dõi hố chôn trong 1-2 ngày đầu tránh việc đào bới lấy xác gây hậu quả nguy hiểm.

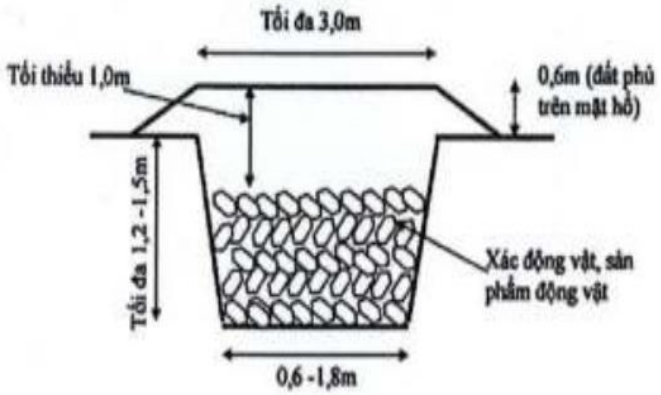

Hình 3.9. Hình ảnh mặt cắt hố chôn

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Các loại bao bì thuốc thú y, vắc xin, kim tiêm, bóng đèn huỳnh quang và một khối lượng nhỏ giẻ lau, găng tay bảo hộ lao động phát sinh khoảng 30 kg/năm. Bao gồm:

Bảng 3.1. Khối lượng chất thải nguy hại của cơ sở

STT	Tên chất thải nguy hại	Trang thái tồn tại	Tính chất nguy hại	Số lượng TB (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bao bì (cứng, mềm) thải chứa hóa chất.	Rắn	Đ, ĐS	5	14 01 08
2	Kim tiêm, các loại vật liệu dính chất dịch sinh học	Rắn	LN	5	13 02 01
3	Vỏ bao bì thuốc thú y	Rắn	Đ, ĐS	10	13 02 02
Tổng				**20**	

- Phương án xử lý: Đối với các loại bao bì thuốc thu y, vắc xin, kim tiêm, vỏ bao bì thuốc hóa chất: Chủ cơ sở cho công nhân thu gom, phân loại và được lưu giữ tại khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, đã được xây dựng kiên cố với diện tích 5m^2, sau đó trả lại đơn vị cung cấp thuốc là Công ty TNHH Thành Đô Nghệ An có chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Chủ cơ sở trang bị đầy đủ cá phương tiện bảo hộ cho công nhân làm việc trực tiếp tại khu vực trang trại.

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị (máy bơm, máy phát điện, quạt hút..) sử dụng trong khu vực trang trại.

- Trang trại được bố trí các xã khu dân cư, do đó âm thanh phát ra từ khu vực chuồng trại ảnh hưởng không đáng kế đến khu vực xung quanh.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a. Phòng chống cháy nổ, rò rỉ khí Biogas

- Các máy móc, thiết bị phải có lý lịch kèm theo và phải được đo đạc, theo dõi thường xuyên các thông só kỹ thuật.

- Đã bố trí máy bơm nước và vòi bơm sẵn tại hồ chứa nước để nếu có trường

hợp cháy nổ sẽ được thực hiện nhanh nhất.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống dẫn khí Biogas và thiết bị lưu khí.

- Khi sử dụng bếp gas xong phải khóa chặt van gas. Không được mở van gas mà không đốt lửa.

- Không được để vật năng hoặc xe ô tô và các loại phương tiện đi lại trong khu vực bể Biogas, điều này có thể làm bể Biogas bị chấn đọng dễ gây hở hoặc có thể sập gây nguy hiểm.

b. Phòng chống sự cố đối với bể biogas

Khi hệ thống xử lý gặp sự cố phải thực hiện các biện pháp khắc phục sự cố, không xả nước thải chưa xử lý ra ngoài môi trường. Chủ cơ sở tận dụng cụm hồ sinh học để sử dụng thành hồ chứa khắc phục sự cố với thời gian lưu khoảng 90 ngày đối với cụm bể. Sau khi có sự cố công nhân sẽ ngừng dẫn nước vào bể biogas, mà sẽ lắp bơm để bơm trực tiếp sang hồ sinh học để lưu giữ nước thải. Lập tức thuê đơn vị có chức năng để tiến hành sửa chữa, khắc phục sự cố ngay lập tức, thời gian khắc phục từ 5-7 ngày.

Sau khi hoàn thành quá trình khắc phục bơm toàn bộ lượng nước thải từ hồ sinh học về bể biogas để xử lý trước khi xả ra môi trường.

c. Phòng ngừa và biện pháo giảm thiểu các sự cố do dịch bệnh

- Tăng cường sát trùng chuồng trại cả bên trong và bên ngoài chuồng trại, lối đi vào trại, khu vực xung quanh trại...

- Phương tiện, người vào khu vực trang trại phải được khử trùng trước khi vào trại.

- Tăng cường chăm sóc đàn lợn chu đáo, phòng bệnh bằng vắc xin đối với các loại bệnh do vi rút: dịch tả, tai xanh...

Chương IV
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của công nhân làm việc tại trang trại.

+ Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động chăn nuôi lợn.

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 12,3 m^3/ngày.đêm..

- Dòng nước thải: Nước thải sinh hoạt và nước thải chăn nuôi được thu gom và xử lý chung bằng HTXLNT tập trung của cơ sở, đạt cột B - QCVN 62-MT:2016/BTNMT.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Khe thoát nước khu vực đoạn chảy qua xóm Vạn Lộc 2, xã Nghĩa Lộc, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

- Vị trí xả nước thải: xóm Vạn Lộc 2, xã Nghĩa Lộc, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An. Tọa độ vị trí xả thải: X(m) = 2124418; Y(m) = 568952 (*theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^0 30'$, múi chiếu 3^0*)

- Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý được dẫn vào nguồn tiếp nhận bằng phương thức tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: Xả gián đoạn theo các thời điểm trong ngày.

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi QCVN 62-MT:2016/BTNMT (cột B, K_q= 0,9; K_f = 1,3), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	QCVN 62-MT :2016/BTNMT, Cột B	QCVN 62-MT :2016/BTNMT, Cột B, (C_{max}, K_q= 0,9; K_f = 1,3)
1	pH*	-	TCVN 6492:2011	5,5-9	5,5-9
2	BOD_5	mg/l	SMEWW 5210B:2017	100	117
3	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	300	351
4	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	150	175,5
5	Tổng N	mg/l	TCVN 6638:2000	150	175,5
6	Coliform	VK/100ml	TCVN 6187-1:2019	5000	5000

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- Nguồn phát sinh:

+ Từ khu vực chuồng nuôi.

+ Khu vực đặt hệ thống xử lý nước thải.

+ Khu vực đặt máy phát điện.

+ Khu vực kho chứa thức ăn.

- Dòng thải phát sinh: Các khu vực phát sinh là các nguồn phát tán không tập trung vì vậy không xác định được lưu lượng phát sinh. Mặt khác khu vực đặt vị trí trang trại cách xa khu vực khu dân cư nên việc tác động là không đáng kể.

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh: Chủ yếu từ tiếng heo kêu trong chuồng kín, phương tiện giao thông, hệ thống máy thổi khí, máy phát điện, bơm và quạt thổi gió… nhưng thực tế không đáng kể. Nên không đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.

Chương V
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo

5.1.1. Kết quả quan trắc nước thải

Bảng 5.1. Kết quả quan trắc nước thải trước và sau xử lý

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả		QCVN 62 Cột B, C_{max}
				T_1	T_2	
1	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,5	7,5	5,5-9
2	BOD_5	mg/l	SMEWW 5210B:2017	356,1	89,3	117
3	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	859,2	274,0	351
4	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	239,5	86,5	175,5
5	Tổng N	mg/l	TCVN 6638:2000	197,4	60,3	175,5
6	Coliform	VK/100ml	TCVN 6187-1:2019	29000	4300	5000

(Nguồn: Công ty TNHH 1TV kỹ thuật tài nguyên và môi trường)

Nhận xét: Kết quả phân tích được đính kèm theo phụ lục báo cáo.

- T_1: Đối với nước thải trước xử lý có nồng độ chất ô nhiễm vượt nhiều lần so với Quy chuẩn cho phép (BOD_5 vượt 3 lần, COD vượt 2,5 lần, TSS vượt 1,4 lần, tổng N vượt 1,1 lần, Coliform vượt 5,8 lần).

- T_2: Từ kết quả từ bảng 5.1 cho thấy nước thải sau khi được xử lý qua hệ thống xử lý đều nằm trong quy chuẩn cho phép QCVN 62-MT:2016/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chăn nuôi.

5.1.2. Kết quả quan trắc nước mặt nguồn tiếp nhận

Bảng 5.2. Kết quả quan trắc nước mặt

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả	QCVN 08 Cột B_1
1.	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,7	5,5-9
2.	DO*	mg/l	TCVN 7325:2004	4,52	≥ 4
3.	BOD_5	mg/l	SMEWW 5210B:2017	14,0	15
4.	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	38,5	50
5.	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	29,3	30
6.	Tổng N	mg/l	SMEWW 4500-NO_3^-.E:2017	1,34	-
7.	NH_4^+-N	mg/l	TCVN 6179-1:1996	0,67	0,9
8.	PO_4^{3-}-P	mg/l	TCVN 6202:2008	0,22	0,3

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả	QCVN 08 Cột B_1
9.	Fe	mg/l	TCVN 6177:1996	0,30	1,5
10.	Tổng dầu mỡ	mg/l	SMEWW 5520B:2017	0,6	1
11.	Coliform	VK/100ml	TCVN 6187-1:2019	2100	7.500

(Nguồn: Công ty TNHH 1TV kỹ thuật tài nguyên và môi trường)

Nhận xét: Từ kết quả bảng 5.2 cho thấy toàn bộ thông số đều nằm trong quy chuẩn cho phép, chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm.

5.1.3. Kết quả quan trắc môi trường không khí

Bảng 5.3. Kết quả quan trắc môi trường không khí

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2013/ BTNMT
1	Nhiệt độ*	^oC	30,1	-
2	Độ ẩm*	%	68,7	-
3	Bụi TSP	$\mu g/m^3$	183,0	300
4	SO_2	$\mu g/m^3$	69,2	350
5	NO_2	$\mu g/m^3$	56,7	200
6	CO	$\mu g/m^3$	2654	30.000

(Nguồn: Công ty TNHH 1TV kỹ thuật tài nguyên và môi trường)

Nhận xét: Từ kết quả bảng 5.3 cho thấy toàn bộ thông số đều nằm trong quy chuẩn cho phép, chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm.

Chương VI
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, chủ cơ sở tự rà soát và đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất và chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động, cụ thể như sau:

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Bảng 6.1. Danh mục chi tiết kế hoạch VHTN các công trình xử lý chất thải

Công trình	Quy mô	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc
Hệ thống xử nước thải	Công suất 100 m^3/ngày đêm	01/11/2022	01/02/2023
Công suất dự kiến đạt được của dự án tại thời điểm kết thúc VHTN			12,3%

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

a. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường hoặc thải ra ngoài phạm vi của công trình, thiết bị xử lý

Theo quy định tại khoản 5 Điều 21, Thông tư số 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, đối với dự án không thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này *(dự án quy định tại Cột 3 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ)*, việc quan trắc chất thải do chủ dự án đầu tư, cơ sở tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải. Trên cơ sở đó, chủ cơ sở lập kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải như sau:

Bảng 6.2 Kế hoạch quan trắc chất thải

STT	Số đợt	Thời gian dự kiến	Số mẫu	Vị trí	Thông số	Quy chuẩn so sánh
1	Lần 1	Ngày 26/2/2025	02	- 01 mẫu nước thải đầu vào (Mẫu đơn) - 01 mẫu đơn nước thải đầu ra sau hệ thống xử nước thải (Mẫu đơn)	pH, BOD_5, COD, TSS, Tổng N, Coliform.	QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B, K_q=0,9; K_f=1,3)
2	Lần 2	Ngày 27/2/2025	01	- 01 mẫu nước thải đầu vào (Mẫu đơn) - 01 mẫu đơn nước thải đầu ra sau hệ thống xử nước thải (Mẫu đơn)		

3	Lần 3	Ngày 28/2/2025	01	- 01 mẫu nước thải đầu vào (Mẫu đơn) - 01 mẫu đơn nước thải đầu ra sau hệ thống xử nước thải (Mẫu đơn)		

b. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch

- Đơn vị lấy mẫu:Công ty TNHH 1TV Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường.
- Địa chỉ: Số 236, đường Võ Nguyên Hiến, phường Hưng Dũng, tp. Vinh, Nghệ An.
- Người đại diện: Ông Phạm Anh Tuấn; Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại: 02386.250.236; Fax: 03283.592.198
- Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số VIMCERT004, do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 28/7/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm số 004/TN-QTMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 28/7/2020.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 97 và Phụ lục số XXVIII, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, quy định về hoạt động quan trắc nước thải. Mức lưu lượng xả nước thải trung bình của dự án, cơ sở thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường từ 200 m^3/ngày (24 giờ) đến dưới 500 m^3/ngày (24 giờ); mức lưu lượng xả nước thải lớn từ 500 m^3/ngày (24 giờ) trở lên. Cơ sở thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường tuy nhiên lưu lượng xả thải lớn nhất là 12,3m^3/ngày/đêm, vì vậy cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ nước thải.

Chương VII
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

- Ngày 29/9/2022 Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Nghĩa Đàn đã thực hiện kiểm tra đối với cơ sở chăn nuôi hộ gia định Lê Duy Chung tại xã Nghĩa Lộc, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An. Kết quả kiểm tra như sau:

- Hiện tại Cơ sở đang hoạt động mà chưa được cơ quan chức năng cấp giấy phép môi trường theo quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

- Căn cứ biên bản số 01/BB-VPHC phòng Tài nguyên và môi trường huyện Nghĩa Đàn ngày 29/9/2022. UBND huyện Nghĩa Đàn đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường đối với cơ sở chăn nuôi hộ gia định Lê Duy Chung tại Quyết định số 2960/QĐ-XPHC ngày 06/10/2022.

- Đến thời điểm hiện tại Chủ cơ sở đã tiến hành nộp phạt hành chính và đang trong quá trình thực hiện lập hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

Chương VIII
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường và các pháp luật liên quan khác, hộ chăn nuôi Lê Duy Chung cam kết các nội dung như sau:

1. Cam kết rằng các số liệu, thông tin về dự án, các vấn đề môi trường của dự án được cung cấp trong Báo cáo đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án có tính chính xác và hoàn toàn trung thực.

2. Cam kết xử lý chất thải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường có liên quan khác.

- *Nước thải:*

+ Nước thải được xử lý đạt Quy chuẩn QCVN 62-MT:206/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

- *Chất thải rắn:*

+ Thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải nguy hại đảm bảo các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường (theo hướng dẫn tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

3. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

4. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

Phụ lục VI-1

UBND HUYỆN NGHĨA ĐÀN
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Số: 27G800000039

Đăng ký lần đầu, ngày 23 tháng 02 năm 2021

Đăng ký thay đổi lần thứ: ....., ngày.....tháng.....năm.....

1. Tên hộ kinh doanh : LÊ DUY CHUNG

2. Địa điểm kinh doanh: Xóm Vạn Lộc 2, xã Nghĩa Lộc, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: ..... Fax:.....

Email: ..... Website:.....

3. Ngành, nghề kinh doanh: CHĂN NUÔI LỢN

4. Vốn kinh doanh: 2.000.000.000 đồng.

5. Họ và tên đại diện hộ kinh doanh: LÊ DUY CHUNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 28/12/1982 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh thư nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 182 546 736

Ngày cấp: 16/03/2017 Nơi cấp: Công an tỉnh Nghệ An.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đường Trà Lân, Phường Quang Tiến, Thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện tại: Đường Trà Lân, Phường Quang Tiến, Thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.

6. Danh sách cá nhân góp vốn thành lập hộ kinh doanh *(nếu có)*

STT	Tên thành viên	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Giá trị phần vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác)	Ghi chú

KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH

Nguyễn Kiều Trang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

SỐ: 182546786

Họ tên: LÊ VĂN CHUNG

Sinh ngày: 26-12-1982

Nguyên quán: Tiến Hoà

Tuyên Hoá, Quảng Bình

Nơi ĐKHK thường trú: P.Quang Tiến

Tx. Thái Hoà, Nghệ An

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

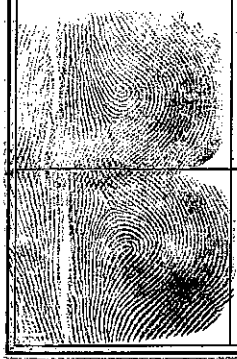

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

DẤU VẾT RIÊNG VÀ DỊ HÌNH

Sẹo chấm ở đuôi lông mày trái

Ngày 16 tháng 03 năm 2017

GIÁM ĐỐC CA TỈNH NGHỆ AN

Nguyễn Hữu Cầu

CÔNG TY TNHH
THÀNH ĐÔ NGHỆ AN
Số : 01/20..... /HĐCN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
nghĩa đàn, ngày ..... tháng .... năm 20....

HỢP ĐỒNG HỢP TÁC CHĂN NUÔI GIA CÔNG HEO GIỐNG HẬU BỊ

- Căn cứ luật thương mại số 36/2005/QH 11 đã được Quốc Hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá 11 kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005.
- Căn cứ vào khả năng, nhu cầu thực tế của cả 2 bên.

Hôm nay ngày ..... tháng .... năm 201... tại văn phòng UBND xã Nghĩa khánh huyện nghĩa đàn tỉnh Nghệ An chúng tôi gồm có.

BÊN A. CÔNG TY TNHH THÀNH ĐÔ NGHỆ AN

Giấy chứng nhận ĐKKD của Sở kế hoạch đầu tư Nghệ An số: 2901908633 cấp ngày 03 tháng 11 năm 2017. vốn điều lệ : 30.000.000.000 *(Ba mươi tỷ đồng)*

Điện thoại : 0352374868 Mã số thuế: 2901908633

Tài khoản : Ngân hàng viettinbank chi nhánh yên thành Nghệ An

Đại diện *: Ông : Nguyễn Văn Thành. Chức Vụ : Giám Đốc*

BÊNB. CƠ SỞ HỢP TÁC CHĂN NUÔI HEO HẬU BỊ

Địa chỉ : khối 250 phường quang tiến thị xã thái hòa tỉnh Nghệ An

Địa chỉ trang trại : xóm trung khánh xã nghĩa khánh huyện nghĩa đàn

Điện thoại: 01697503832 .Mã số thuế :

Đại Diện *: Ông Lê duy Chung*: CMND số 182546736 ngày cấp 16 tháng 03 năm 2017 Nơi cấp Công An Nghệ An

ChứcVụ : Chủ trang trại chăn nuôi : Số tài khoản ..... Tại ngân hàng .....

Sau khi bàn bạc 2 bên đã thống nhất ký kết hợp đồng hợp tác chăn nuôi gia công heo giống hậu bị theo các điều khoản sau đây.

NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

ĐIỀU 1

- Bên A giao con heo giống 18 đến 30 ngày tuổi tới trại bên B. trọng lượng 1 con không thấp hơn 4 kg. giao theo từng đợt nuôi.

- Quy mô xây dựng chuồng trại 500 con/chuồng. số chuồng 02 tổng số 1000 con heo hậu bị.

- Bên A cung cấp heo giống hậu bị vào nuôi với số lượng tăng hoặc giảm 30% so với quy mô chuồng nuôi, cung cấp thức ăn gia súc, thuốc thú Y, vắc xin phòng bệnh.

- Bên B nhận nuôi gia công heo giống để sản xuất thành heo giống hậu bị có trọng lượng từ 100 đến 120 kg/con. (sau đây gọi là sản phẩm) thời gian nuôi trung bình là 4-6 tháng cho mỗi đợt nuôi, giao cho bên A. khi kết thúc đợt nuôi cần phải để trống chuồng 2-3 tuần(để bên B làm vệ sinh sạch sẽ sát trùng chuồng trại cho mỗi đợt nuôi)

ĐIỀU 2. ***Trách nhiệm và quyền lợi các bên.***

2.1. Trách nhiệm và quyền lợi bên A.

- Chuyển và giao số heo giống nói tại điều 1 tới trại bên B. Chuyển và giao thức ăn gia súc, thuốc thú Y, Vắc xin và các dụng cụ khác theo yêu cầu bên A nhưng không phải là dụng cụ thú Y đến trại của bên B kịp thời và đầy đủ cho nhu cầu chăn nuôi.

- Trong trường hợp trại chăn nuôi heo không có hiệu quả, kết quả chăn nuôi không đạt yêu cầu làm thất thoát tài sản, bên A có quyền nghỉ chuồng không nhập heo vào nuôi thời gian từ 1-3 tháng.

- Bên A cử cán bộ kỹ thuật trực tiếp hướng dẫn kỷ thuật chăn nuôi, phương pháp phòng chữa bệnh cho heo và kiểm tra giám sát đôn đốc bên B thực hiện các hướng dẫn trên.

- Tổ chức nghệm thu sản phẩm trước sự chứng kiến của bên B hoặc đại diện mà bên B uỷ quyền. và thông báo cho bên B biết trước thời hạn nhận sản phẩm ít nhất là 12 giờ.

- Vận chuyển sản phẩm ra khỏi trại của bên B, làm phiếu ký nhận sản phẩm cho bên B(phiếu này là cơ sở tính tiền nuôi gia công)

- Thanh toán tiền công cho bên B theo điều 3 của hợp đồng.

- Thu hồi các tài sản (heo giống, thức ăn gia súc, thuốc thú y, vắc xin dụng cụ khác tuỳ thuộc vào yêu cầu bên A cung cấp) Vận chuyển tài sản ra khỏi trại bên B khi chấm dứt hợp đồng.

2.2. Trách nhiệm và quyền lợi bên B.

- Bên B xây dựng các hạng mục theo đúng kế hoạch các chi tiết chuồng trại theo đúng sự hướng dẫn kỷ thuật bên A.

- Trước khi mua thiết bị để lắp đặt bên B phải báo cho bên A đến kiểm tra chất lượng, chất lượng dụng cụ chăn nuôi phải được sự chấp thuận của bên A thì bên B mới được lắp đặt.

Quyền chưa giao heo vào nuôi cho đến khi bên B thực hiện điều kiện về xây dựng chuồng trại và lắp đặt thiết bị chăn nuôi và được xem như bên A không vi phạm hợp đồng.

- Trong trường hợp thay đổi hoặc tranh chấp đất đai gây thiệt hại cho sản xuất thì bên B chịu trách nhiệm bồi thường hoàn toàn về tài sản của bên A theo giá trị bồi thường trong hợp đồng này.

- Bên B phải lắp đặt giàn nước khử mùi sau quạt hút gió. Bên B không được tổ chức sản xuất với đơn vị khác hoặc tự tổ chức chăn nuôi trên khu đất theo hồ sơ đã đăng ký với công ty.

- Bên B tự xây dựng phòng sát trùng có trang bị bình nước nóng lạnh, thiết bị sát trùng tự động, có dầu gội đầu, xà phòng khăn tắm, gương lược.

- Bên B xây dựng cầu cân để xuất nhập heo, phải có mái che mưa, nắng. và có nước tắm cho heo, Cầu cân phải xây cách cách đầu chuồng 20m. Cầu cân không được xây ở đầu dàn nước mát.

- Bên B xây dựng phòng nghỉ, phòng làm việc thiết bị sử dụng trong phòng phù hợp cho sinh hoạt, riêng phòng nghỉ của nhân viên bên A phải đảm bảo điều kiện tối thiểu, phải đảm bảo an ninh cho nhân viên bên A đến làm việc trong trường hợp phải ở lại trại bên B

- Bên B phải chịu mọi thủ tục về hành chính liên quan đến hoạt động của trại, bảo vệ môi trường theo quy định của nhà nước. Bên B cung cấp dịch vụ thú Y, bảo hộ lao động theo yêu cầu thực tế, bố trí chăn nuôi đủ số lượng theo yêu cầu công việc.

Bên B cung cấp đủ nhu cầu điện, nước cho hoạt động của toàn bộ trang trại, cung cấp máy phát điện dự phòng đủ công suất cho hoạt động của trại khi bị mất điện.

- Bên B chi trả các khoản chi phí về tiền điện, tiền nước, tiền lương công nhân. Và các chi phí liên quan đến hoạt động của trại.

- Chỉ được sử dụng thức ăn gia súc thuốc thú Y, vắc xin do bên A cung cấp, không được đem thức ăn gia súc vào trộn, thuốc thú y khác vào chăn nuôi. tổ chức phòng dịch chặt chẻ theo sự hướng dẫn của cán bộ kỷ thuật bên A, tất cả các xe vào trang trại phải xịt, sát trùng, công nhân, người làm việc trong trại phải tắm sát trùng và thay đồng phục khi vào khu sản xuất.

- Định kỳ làm vệ sinh, khử trùng bên trong chuồng trại và xung quanh chuồng chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ chăn nuôi theo từng đợt dưới sự hướng dẫn của cán bộ kỷ thuật bên A. không chăn nuôi gia súc, gia cầm khác trong chuồng trong khu trại nuôi heo gia công, không cho súc vật khác xâm phạm khuôn viên trong khu trại chăn nuôi heo gia công.

- Không được cho bất cứ người lạ nào vào khu trại chăn nuôi gia công mà không có sự đồng ý của bên A.

- Tạo điều kiện làm việc thuận lợi và hợp tác chặt chẻ với cán bộ kỷ thuật của bên A khi vào kiểm tra hướng dẫn chăn nuôi.

- Bên B cung cấp lao động đầy đủ phối hợp với bên A để giao nhận sản phẩm kiểm tra số lượng tồn dư heo trong trại sau mỗi đợt xuất heo và có ký xác nhận của cả 2 bên.

ĐIỀU 3. ***Thanh toán tiền nuôi gia công.***

3.1- Hiện tại do giá heo xuống thấp công ty lỗ quá nhiều nên sẽ điều chỉnh mức thanh toán tại điều lệ 1 của phụ lục thanh toán tiền nuôi heo gia công heo thương phẩm khi heo bắt đầu nhập vào trọng lượng từ 4kg đến 25kg /con nuôi đến lúc xuất chuồng số tiền là 1.800 đ/kg tăng trọng nay giảm xuống:1.500 đ/kg tăng trọng.còn lại các điều lệ khác vẫn giữ nguyên như củ. Rất mong bên B(bên nuôi gia công chia sẽ để vượt qua khó khăn trong thời gian này.

3.2. Bên A thanh toán tiền công nuôi gia công cho bên B khi kết thúc từng đợt nuôi căn cứ vào.

- Số lượng sản phẩm giao nhận sau khi kết thúc đợt nuôi căn cứ vào phiếu giao nhận sản phẩm.

- Hiệu quả chăn nuôi thực tế theo bản điều lệ trả tiền nuôi gia công heo giống hậu bị đính kèm hợp đồng.

3.3. Tiền nuôi gia công được thanh toán trong vòng 21 ngày tính từ ngày kết thúc đợt nuôi, trong trường hợp kiểm tra thấy chất lượng nuôi không bình thường, như tỷ lệ hao hụt vượt quá 5% hoặc tỷ lệ chuyển đổi thức ăn FCR thực tế trừ đi FCR tiêu chuẩn không thấp hơn là – 0,250 kg thức ăn tên 01 kg

- Bên B vi phạm bất cứ điều khoản nào trong hợp đồng đã cam kết với công ty.

ĐIỀU 7. ***Tranh chấp và thủ tục giải quyết.***

7.1. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ và kết quả thực hiện hợp đồng. nếu có tranh chấp phát sinh các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và tích cực bàn bạc giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo các bên cùng có lợi(Có lập biên bản lưu)

7.2. Trường hợp có tranh chấp hai bên không giải quyết được thì tuỳ theo mức độ vi phạm nội vụ sẻ đưa ra toà án dân sự, toà kinh tế, để giải quyết theo pháp luật hiện hành. Mọi chi phí về kiểm tra xác minh và án phí do bên có lỗi chịu.

ĐIỀU 8. ***Điều khoản chung.***

- 8.1 Hai bên cam kết đúng những điều khoản ghi trong hợp đồng này.
- 8.2. Hợp đồng này được ký kết thành 04 bản có giá trị ngang nhau mỗi bên giữ 2 bản.
- 8.3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày.....tháng.....năm .....

ĐẠI DIỆN BÊN B	**ĐẠI ĐIỆN BÊN A**
Lê Duy Dung	M.S.D.N: 2901908633 - C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH THÀNH ĐÔ NGHỆ AN TỈNH NGHỆ AN GIÁM ĐỐC Nguyễn Văn Thành

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ

Thấp hơn tiêu chuẩn 0,251- 0,300	
Thấp hơn tiêu chuẩn 0,301 trở lên	350

4. căn cứ vào việc quản lý trại để cho điểm ,tối đa 100 điểm có bảng chấm điểm chi tiết kèm theo, trả tiền 100 đ/kg tang trọng tính theo công thức sau. Điểm x100 đ x số kg tang trọng/100.

5. Trả tiền bằng hệ thống làm mát trong chuồng làm bằng tấm lạnh: 300 đ/kg tang trọng.

6. vỏ bao cám nếu trại sử dụng công ty tính tiền 300 đ/ vỏ bao. Trả đủ theo số lượng bao cám đã nhập với cty.

7. trả them 530 đ/kg tang trọng(do chi phí giá thành vật liệu tang) chỉ áp dụng cho trại có chuồng mới ây dựng ký hợp đồng từ ngay…… tháng…..năm 201…..

8. Hỗ trợ them tiền tiện 150 đ/kg tang trọng.

9. Hỗ trợ them tiền xử lý môi trường 150 đ/kg tăng trọng.

10. Hỗ trợ them tiền vôi sát trùng, quy định quy mô chuồng trại nuôi nhỏ hơn hoặc bằng 250 con trả 500.000 đ/ lứa ,quy mô chuồng trại lớn hơn 250 con trả 1.000.000 đ/lứa.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ QUYỀN SỬ ĐỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP

BÊN CHO THUÊ: (gọi tắt là Bên A):

Ông **Nguyễn Xuân Liệu**, Sinh ngày 28 tháng 03 năm 1963

CMND số 181866883 cấp ngày 30/09/2011, Công an Nghệ An cấp

Hộ khẩu thường trú: Xóm Thọ Lộc, xã Nghĩa Khánh, Huyện Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An.

Là chủ sở hữu quyền sử dụng đất (Người đại diện cho bên A).

BÊN THUÊ: (gọi tắt là Bên B):

Ông **Lê Duy Chung**, Sinh ngày 28 tháng 12 năm 1982

CMND số : 182546736 cấp ngày 16/03/2017 công an Nghệ An cấp

Hộ khẩu thường trú; Khối 250 Phường Quang Tiến, Thị Xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An

Hai bên cùng nhau ký kết Hợp đồng thuê một phần quyền sử dụng đất với nội dung như sau:

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý cho bên B thuê một phần quyền sử dụng đất, diện tích: 35000m^2 thuộc thửa đất số 117, tờ bản đồ số 252, địa chỉ thửa đất: Gò chè, xóm Trung Khánh (xóm Thọ Lộc mới), Nghĩa Khánh, Nghĩa Đàn, Nghệ An; mục đích sử dụng đất: Đất Lâm Nghiệp; thời hạn sử dụng : 50 Năm

Phần diện tích, và vị trí đất cho thuê bên A và bên B cam kết đã tự xác định bằng biên bản riêng.

ĐIỀU 2. THỜI HẠN CHO THUÊ

Thời hạn thuê quyền sử dụng đất nêu trên tại Điều 1 của Hợp đồng này là 15 năm, kể từ ngày 1/12/2019 đến ngày 1/12/2034

ĐIỀU 3. MỤC ĐÍCH THUÊ

Mục đích thuê quyền sử dụng đất nêu trên tại Điều 1 của Hợp đồng này là: thuê để làm trại chăn nuôi Lợn.

ĐIỀU 4. GIÁ THUÊ ĐẤT VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

* Giá cho thuê là : Bình quân 50.000.000 đ/năm (năm mươi triệu đồng trên năm)

* Tiền thuê được Bên B thanh toán cho Bên A bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản

*Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng 4 lần;

- Lần 1 vào tuần đầu tháng đầu (12/2019) trả trước 2 năm : 90 000 000 đồng
- Lần 2 vào đầu năm thứ 3 (12/2021) trả trước 3 năm: 135 000 000 đồng
- Lần 3 vào đầu năm thứ 6 (tháng 12/2024) trả trước 5 năm: 250 000 000 đồng
- Lần 4 vào đầu năm thứ 11 (tháng 12/2029) trả trước 5 năm: 275 000 000 đồng

ĐIỀU 5. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A

Bên A có các nghĩa vụ sau đây:

- Giao quyền sử dụng đất cho bên B theo đúng ngày Hợp đồng có giá trị và đảm bảo cho bên B được sử dụng đất tron vẹn và riêng rẽ trong thời gian thuê.
- Đứng tên về các thủ tục pháp lý về bảo vệ môi trường, các giấy tờ khác có liên quan đến việc cho thuê quyền sự dụng đất.
- Đăng ký việc cho thuê quyền sử dụng đất.
- Chuyển giao đất đúng như đã thỏa thuận tại điều 1 nêu trên cho bên B.
- Kiểm tra, nhắc nhở bên B bảo vệ, giữ gìn đất và sử dụng đất đúng mục đích;
- Báo cho bên B về quyền của người thứ ba đối với thửa đất, nếu có.

Bên A có các quyền sau đây:

- Yêu cầu bên B trả đủ tiền thuê đất và trả tiền đúng thời gian như hợp đồng.
- Yêu cầu bên B chấm dứt ngay việc sử dụng đất không đúng mục đích, huỷ hoại đất hoặc làm giảm sút giá trị của đất; nếu bên B không chấm dứt hành vi vi phạm, thì bên A có quyền đơn phương đình chỉ hợp đồng, yêu cầu bên B hoàn trả đất và bồi thường thiệt hại;

ĐIỀU 6. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B

Bên B có các nghĩa vụ sau đây;

- Sử dụng đất đúng mục đích, đúng thời hạn thuê đất.
- Không được huỷ hoại, làm giảm sút giá trị sử dụng của đất;
- Trả đủ tiền thuê đất và trả đúng thời gian qui định theo phương thức đã thoả thuận;
- Chịu hoàn toàn chi phí mà bên A đứng tên các giấy tờ liên quan.

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 27/12/2019 *(Ngày hai mươi bảy, tháng mười hai, năm hai nghìn không trăm mười chín)*. Tại trụ sở Văn phòng công chứng Nguyễn Ngọc Oánh, địa chỉ: khối 250, phường Quang Tiến, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An. Tôi, **Nguyễn Ngọc Oánh**- Công Chứng viên, Văn phòng Công chứng Nguyễn Ngọc Oánh, người ký tên dưới đây:

CHỨNG NHẬN

Hợp đồng thuê Quyền sử dụng đất nông nghiệp được lập giữa:

Bên cho thuê (Bên A):

Ông: **Nguyễn Xuân Liệu** Sinh năm: 1963

CMND số: **181 866 883** do công an tỉnh Nghệ An cấp

HKTT: xóm Thọ Lộc, xã Nghĩa Khánh, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An

Bên thuê (Bên B):

Bà: **Lê Duy Chung** Sinh năm: 1982

CMND số: **182 546 736** do công an tỉnh Nghệ An cấp

HKTT: khối 250, phường Quang Tiến, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An

- Các bên đã tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng và cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung hợp đồng;

- Tại thời điểm công chứng, các bên giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;

- Nội dung thỏa thuận của các bên trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

- Các bên giao kết đã nghe đọc lại hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong hợp đồng và đã ký vào hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

Hợp đồng này gồm 03 bản chính, mỗi bản có 03 tờ, 05 trang *(bao gồm cả trang lời chứng)*. Lưu tại Văn phòng công chứng Nguyễn Ngọc Oánh 01 bản chính.

Số công chứng: 3025- quyển số 03/TP/CC-SCC/HĐT/2019.

CÔNG CHỨNG VIÊN

S.Đ.T.H.Đ: 514 VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN NGỌC OÁNH T. NGHỆ AN

Nguyễn Ngọc Oánh

- Tuân theo các quy định về bảo vệ môi trường; không được làm tổn hại đến quyền, lợi ích của người sử dụng đất xung quanh, chịu hoàn toàn trách về môi trường trong quá trình chăn nuôi trên phần đất thuê mà bên A đứng tên.

- Không được cho người khác thuê lại quyền sử dụng đất nếu không được bên A đồng ý bằng văn bản.

- Trả lại đất sau khi hết thời hạn thuê;

Bên B có các quyền sau đây:

- Yêu cầu bên A giao thửa đất đúng như đã thoả thuận;

- Được sử dụng đất ổn định theo thời hạn thuê đã thoả thuận;

- Được hưởng hoa lợi, lợi tức từ việc sử dụng đất.

ĐIỀU 7. CAM KẾT CỦA CÁC BÊN

Bên A và Bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cùng cam kết sau đây :

- Tại thời điểm giao kết hợp đồng, phần đất cho thuê không có tranh chấp, quyền sử dụng đất không bị kê biên để đảm bảo thi hành án.

- Việc giao kết hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối.

Đã khai đúng sự thật và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của những thông tin về nhân thân đã ghi trong hợp đồng này.

Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả những thỏa thuận với Bên B đã ghi trong hợp đồng này; nếu bên nào vi phạm mà gây thiệt hại, thì phải bồi thường cho bên kia hoặc cho người thứ ba (nếu có).

Trong trường hợp bất khả kháng mà không thể tiếp tục việc thuê đất trên thì các bên có quyền chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo cho bên kia biết trong thời hạn 30 ngày. Trong thời hạn này, khi có sự thống nhất ý kiến của bên kia, hai bên có thể kết thúc hợp đồng cho thuê trước thời hạn.

Khi thanh lý hợp đồng trước thời hạn hay hết thời hạn bên thuê đất (bên B) phải chị trách nhiệm tháo dỡ công trình, thu dọn vật liệu cũ, trả mặt bằng sạch cho bên chủ đất, thời hạn chậm nhất sau 30 ngày kể từ khi chấm dứt hợp đồng.

Điều 8. QUYỀN ĐƯỢC TIẾP TỤC THUÊ ĐẤT KHI MỘT BÊN CHẾT.

- Trong trường hợp bên A là cá nhân chết thì bên B vẫn được tiếp tục thuê quyền sự dụng đất theo đúng hợp đồng cho đến hết thời hạn thuê.

- Trong trường hợp bên B là cá nhân chết thì thành viên trong hộ gia đình của người đó được tiếp tục thuê quyền sự dụng đất theo đúng hợp đòng và hết thời hạn thuê nhưng phải báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

ĐIỀU 9. TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG

Trong quá trình thực hiện hợp đồng mà phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết; trong trường hợp không tự giải quyết được, cần phải thực hiện bằng cách hòa giải; nếu hòa giải không thành thì đưa ra Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 10. ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc công chứng (chứng thực) này, sau khi đã được nghe lời giải thích của người có thẩm quyền công chứng dưới đây.

Hai bên đã tự đọc lại hợp đồng này, và xác định đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong hợp đồng này.

Hợp đồng này gồm 03 bản chính (mỗi bản gồm 03 tờ, 05 trang), có giá trị pháp lý ngang nhau. Mỗi bên giữ 01 bản, lưu tại Văn Phòng Công Chứng 01 bản.

BÊN A	**BÊN B**
Nguyễn Xuân Lợi	Lê Duy Hưng

UBND TỈNH NGHỆ AN
UBND HUYỆN NGHĨA ĐÀN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA ĐÀN

Căn cứ chỉ tiêu kinh tế trang trại quy định tại Thông tư liên tịch số 69/2000/TTLT/Bộ Nông nghiệp và PTNT-TCKT, ngày 23/06/2000 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Tổng cục Thống kê và Thông tư số 74/2003/Ban TTTT-Bộ Nông nghiệp và PTNT, ngày 04/07/2003 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn chỉ tiêu xác định kinh tế trang trại.

CHỨNG NHẬN

Trang trại Ông (bà): ***Nguyễn Xuân Liệu*** Năm sinh: *1963*

Hộ khẩu thường trú tại xóm: *Gò Chè, xã: Nghĩa Khánh, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An*

ĐẠT CHỈ TIÊU KINH TẾ TRANG TRẠI

Địa điểm trang trại: *Gò Chè, xã: Nghĩa Khánh, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An*

Loại hình sản xuất kinh doanh của trang trại: *Tổng hợp.*

Nghĩa Đàn, ngày..19..tháng..08..năm 2009...
TM.UỶ BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Số:..47../.....CNKTTT

Lê Hồng Sơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Nghĩa Đàn, ngày 21 tháng 6 năm 2020

BIÊN BẢN SỐ: 01-NTHT
NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

Dự án chăn nuôi lợn thương phẩm tại xóm Vạn Lộc 2, xã Nghĩa Lộc, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

1. Hạng mục công trình: Bể Biogas, hồ sinh học số1, hồ sinh học số 2, hồ sinh học số 3 và hồ xử lý triệt để.

2. Địa điểm xây dựng: Xóm Vạn Lộc 2, xã Nghĩa Lộc, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

3. Thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu:

a. Đại diện chủ đầu tư: Hộ kinh doanh Lê Duy Chung

- Ông: Lê Duy Chung Chức vụ: Chủ cơ sở

c. Đại diện Đơn vị thi công: Công ty TNHH 1TV Kỹ thuật tài nguyên và Môi trường

- Ông: Phạm Anh Tuấn Chức vụ: Giám đốc
- Ông: Trần Trọng Phúc Chức vụ: Chỉ huy trưởng
- Ông: Nguyễn Đình Sang Chức vụ: CBKT

4. Thời gian nghiệm thu:

- Bắt đầu: 8h00 ngày 21 tháng 6 năm 2020
- Kết thúc: 10h30 ngày 21 tháng 6 năm 2020

Địa điểm nghiệm thu: Tại hiện trường xây lắp công trình.

5. Đánh giá hạng mục công trình đã thực hiện:

a. Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của đơn vị thi công;
- Hồ sơ thiết kế BVTC đã được chủ cơ sở là ông Lê Duy Chung phê duyệt;
- Hợp đồng thi công xây dựng số 35/2020/HĐKT ngày 28 tháng 11 năm 2019 giữa Hộ kinh doanh Lê Duy Chung và Công ty TNHH 1TV Kỹ thuật tài nguyên và Môi trường;
- *Các tiêu chuẩn áp dụng:*

+ TCVN 4516-88: Hoàn thiện mặt bằng xây dựng - Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu;

+ TCVN 4085:1985: Kết cấu gạch đá - Quy phạm thi công và nghiệm thu;

+ TCVN 4453:1995 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối - Quy phạm thi công và nghiệm thu;

+ TCVN 4459:1987 hướng dẫn pha trộn và sử dụng vữa trong xây dựng;

+ TCVN 4519-1988 Hệ thống cấp thoát nước trong công trình - Quy phạm thi công và nghiệm thu;

+ Công tác đất, quy phạm thi công và nghiệm thu TCVN 4447-1987;

- Hồ sơ hoàn thành xây dựng công trình;

+ Các quy trình, tiêu chuẩn pháp lý hiện hành;

- Biên bản nghiệm thu nội bộ của Đơn vị thi công;

- Các biên bản nghiệm thu hoàn thành bộ phận công trình xây dựng hoặc giai đoạn thi công xây dựng;

- Bản vẽ hoàn công;

- Nhật ký thi công, các kết quả thí nghiệm và các văn bản khác có liên quan.

b. Về công suất đưa vào vận hành của hạng mục:

Đạt yêu cầu theo hồ sơ thiết kế được duyệt.

c. Về đặc điểm biện pháp để bảo vệ an toàn lao động, an toàn phòng nổ, phòng cháy, ô nhiễm môi trường và an toàn sử dụng:

Đạt yêu cầu theo hồ sơ thiết kế được duyệt.

d. Về chất lượng hạng mục:

Đạt yêu cầu.

e. Khối lượng thực hiện:

Có phụ lục khối lượng kèm theo biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng.

e. Những yêu cầu sửa đổi so với hồ sơ thiết kế: Không.

f. Các ý kiến khác: Không.

6. Kết luận:

- Đồng ý nghiệm thu hạng mục Bể Biogas, hồ sinh học số1, hồ sinh học số 2, hồ sinh học số 3 và hồ xử lý triệt để thuộc Dự án chăn nuôi lợn thương phẩm tại xóm Vạn Lộc 2, xã Nghĩa Lộc, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

- Các bên trực tiếp tham gia nghiệm thu chịu trách nhiệm trước pháp luật về Quyết định nghiệm thu này./.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ	**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG** **CÔNG TY TNHH 1TV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG** **GIÁM ĐỐC**
Lê Duy Chung	CÔNG TY TNHH 1TV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG GIÁM ĐỐC Phạm Anh Tuấn

Trần Trọng Phúc .....

Nguyễn Đình Sang .....

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA ĐÀN Số: 1850 /QĐ-XPHC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc *Nghĩa Đàn, ngày 06 tháng 10 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA ĐÀN

Căn cứ Điều 57, Điều 68, Điều 70,Điều 78, Điều 85Luật Xử lý vi phạm hành chính(sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định 45/2022/NĐ-CPngày 07/7/2022của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường;

Căn cứ Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/11/2021 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An lập ngày 29/9/2022 và các tài liệu có trong hồ sơ;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 648/TNMT ngày 5/10/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.Xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân có tên sau đây:

1. Họ và tên: **Lê Duy Chung** Giới tính: Nam

Sinh ngày 28/12/1982. Quốc tịch: Việt Nam

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Số CMND: 182546736 do Công an tỉnh Nghệ An cấp ngày 16/3/2017.

Nơi đăng ký HKTT: khối 20, phường Quang Tiến, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính:

"Cơ sở đang hoạt động không có giấy phép môi trường theo quy định", với tổng lượng đàn khoảng 240 con lợn chuẩn bị xuất chuồng (>80kg/con) tại xóm Thọ Lộc, xã Nghĩa Khánh, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

Quy định tại: Điểm c, Khoản 2, Điều 14, Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính. Mức tiền phạt từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.

3. Tình tiết tăng nặng/giảm nhẹ: Không.

Được quét bằng CamScanner

4. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền.

Cụ thể: Phạt tiền **32.500.000 đồng** *(Ba mươi hai triệu, năm trăm ngàn đồng)* đối với hành vi: "đối với cơ sở đang hoạt động không có giấy phép môi trường theo quy định" với tổng lượng đàn 240 con chuẩn bị xuất chuồng thuộc thẩm quyền phê duyệt giấy phép môi trường của UBND cấp huyện.

b) Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động của hộ kinh doanh chăn nuôi do ông Lê Duy Chung làm chủ mà không có giấy phép môi trường trong thời hạn 03 tháng.

c) Biện pháp khắc phục hậu quả: không.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông Lê Duy Chung là cá nhân vi phạm có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Ông Lê Duy Chung phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này. Nếu quá thời hạn mà ông Lê Duy Chung không chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

Số tiền phạt quy định tại khoản 4 Điều 1 của Quyết định này phải nộp vào Tài khoản số 7111 Ngân hàng Thương mại cổ phần ngoại thương Chi nhánh thành phố Vinh, Phòng giao dịch thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An. Biên lai nộp phạt gửi về UBND huyện Nghĩa Đàn *(qua Phòng Tài nguyên và Môi trường và UBND xã Nghĩa Khánh)* để theo dõi.

Ông Lê Duy Chung có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Ngân hàng Thương mại cổ phần ngoại thương chi nhánh Vinh, đóng tại thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An để thu tiền phạt.

3. Giao UBND xã Nghĩa Khánh đôn đốc, giám sát việc thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND huyện;
- PCT UBND huyện phụ trách kinh tế;
- Phòng TN&MT;
- Phòng Tư pháp;
- Lưu: VT.(07).

CHỦ TỊCH

Võ Tiến Sỹ

Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY TNHH 1TV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Tầng 4, Số 236 - Võ Nguyên Hiến - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 0932.492.499 Email: phongphantich236@gmail.comVILAS 499 VIMCERTS 004

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: M894– BH1111022

1. Tên khách hàng: Hộ kinh doanh Lê Duy Chung
2. Địa chỉ: Đường Trà Lân, phường Quang Tiến, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.
3. Vị trí đo, lấy mẫu: Cơ sở chăn nuôi lợn thương phẩm tai xóm Vạn Lộc 2, xã Nghĩa Lộc, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.
   + Mẫu nước nguồn tiếp nhận nước thải của cơ sở.
4. Ngày lấy mẫu/nhận mẫu: 05/10/2022 - 06/10/2022
5. Ngày phân tích: 06/10 /2022 ÷ 13/10/2022
6. Loại mẫu: Nước mặt Số lượng mẫu: 01
7. Ký hiệu mẫu: **M_1**

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả	QCVN 08 Cột B_1
1.	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,7	5,5-9
2.	DO*	mg/l	TCVN 7325:2004	4,52	≥ 4
3.	BOD_5	mg/l	SMEWW 5210B:2017	14,0	15
4.	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	38,5	50
5.	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	29,3	30
6.	Tổng N	mg/l	SMEWW 4500-NO_3^-.E:2017	1,34	-
7.	NH_4^+-N	mg/l	TCVN 6179-1:1996	0,67	0,9
8.	PO_4^{3-}-P	mg/l	TCVN 6202:2008	0,22	0,3
9.	Fe	mg/l	TCVN 6177:1996	0,30	1,5
10.	Tổng dầu mỡ	mg/l	SMEWW 5520B:2017	0,6	1
11.	Coliform	VK/100ml	TCVN 6187-1:2019	2100	7.500

Ghi chú: *"-" Không quy định trong quy chuẩn.*
QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt (Cột B_1).

Ngày 13 tháng 10 năm 2022

Trưởng PTN	QA/QC	Giám đốc
ThS: Trần Thị Thu Hằng	CN. Bùi Thị Mai	Phạm Anh Tuấn

Chú thích:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm phân tích.	- Kết qủa này không được sao chép nếu không được sự đồng ý của PTN
- (*): Kết quả đo tại hiện trường	
- Sau 5 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ hủy mẫu theo quy định, không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.	

CÔNG TY TNHH 1TV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Tầng 4, Số 236 - Võ Nguyên Hiến - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 0932.492.499 Email: phongphantich236@gmail.comVILAS 499 VIMCERTS 004

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: T1564– BH1111022

1. Tên khách hàng: Hộ kinh doanh Lê Duy Chung
2. Địa chỉ: Đường Trà Lân, phường Quang Tiến, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.
3. Vị trí đo, lấy mẫu: Cơ sở chăn nuôi lợn thương phẩm tai xóm Vạn Lộc 2, xã Nghĩa Lộc, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.
   + Tại hố thu gom.
   + Sau hệ thống xử lý.
4. Ngày lấy mẫu/nhận mẫu: 05/10/2022 - 06/10/2022
5. Ngày phân tích: 06/10 /2022 ÷ 13/10/2022
6. Loại mẫu: Nước thải Số lượng mẫu: 02
7. Ký hiệu mẫu: **T_1, T_2**

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả		QCVN 62 Cột B, C_{max}
				T_1	T_2	
1	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,5	7,5	5,5-9
2	BOD_5	mg/l	SMEWW 5210B:2017	356,1	89,3	117
3	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	859,2	274,0	351
4	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	239,5	86,5	175,5
5	Tổng N	mg/l	TCVN 6638:2000	197,4	60,3	175,5
6	Coliform	VK/100ml	TCVN 6187-1:2019	29000	4300	5000

Ghi chú: *QCVN 62-MT:2016/BTNMT,Cột B - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chăn nuôi. (Cột B, C_{max}, K_q = 0,9; K_f = 1,3).*

Ngày 13 tháng 10 năm 2022

Trưởng PTN	QA/QC	Giám đốc
ThS: Trần Thị Thu Hằng	CN. Bùi Thị Mai	Phạm Anh Tuấn

Chú thích:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm phân tích.	- Kết qủa này không được sao chép nếu không được sự đồng ý của PTN
- (*): Kết quả đo tại hiện trường	
- Sau 5 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ hủy mẫu theo quy định, không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.	

CÔNG TY TNHH 1TV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Tầng 4, Số 236 - Võ Nguyên Hiến - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 0932.492.499 Email: phongphantich236@gmail.comVILAS 499 VIMCERTS 004

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: K2346– BH1111022

1. Tên khách hàng: Hộ kinh doanh Lê Duy Chung
2. Địa chỉ: Đường Trà Lân, phường Quang Tiến, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.
3. Vị trí đo, lấy mẫu: Cơ sở chăn nuôi lợn thương phẩm tai xóm Vạn Lộc 2, xã Nghĩa Lộc, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.
   + Tại khu vực chăn nuôi của cơ sở.
4. Ngày lấy mẫu/nhận mẫu: 05/10/2022 - 06/10/2022
5. Ngày phân tích: 06/10 /2022 ÷ 13/10/2022
6. Loại mẫu: Không khí Số lượng mẫu: 01
7. Ký hiệu mẫu: **K**

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05
1	Nhiệt độ*	^oC	30,1	-
2	Độ ẩm*	%	68,7	-
3	Bụi TSP	$\mu g/m^3$	183,0	300
4	SO_2	$\mu g/m^3$	69,2	350
5	NO_2	$\mu g/m^3$	56,7	200
6	CO	$\mu g/m^3$	2654	30.000

VIMCERTS004

Ghi chú: *QCVN 05:2013/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.*

Ngày 13 tháng 10 năm 2022

Trưởng PTN	QA/QC	Giám đốc
ThS: Trần Thị Thu Hằng	CN. Bùi Thị Mai	Phạm Anh Tuấn

Chú thích:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm phân tích.	- Kết qủa này không được sao chép nếu không được sự đồng ý của PTN
- (*): Kết quả đo tại hiện trường	
- Sau 5 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ hủy mẫu theo quy định, không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.	

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC CỦA CƠ SỞ

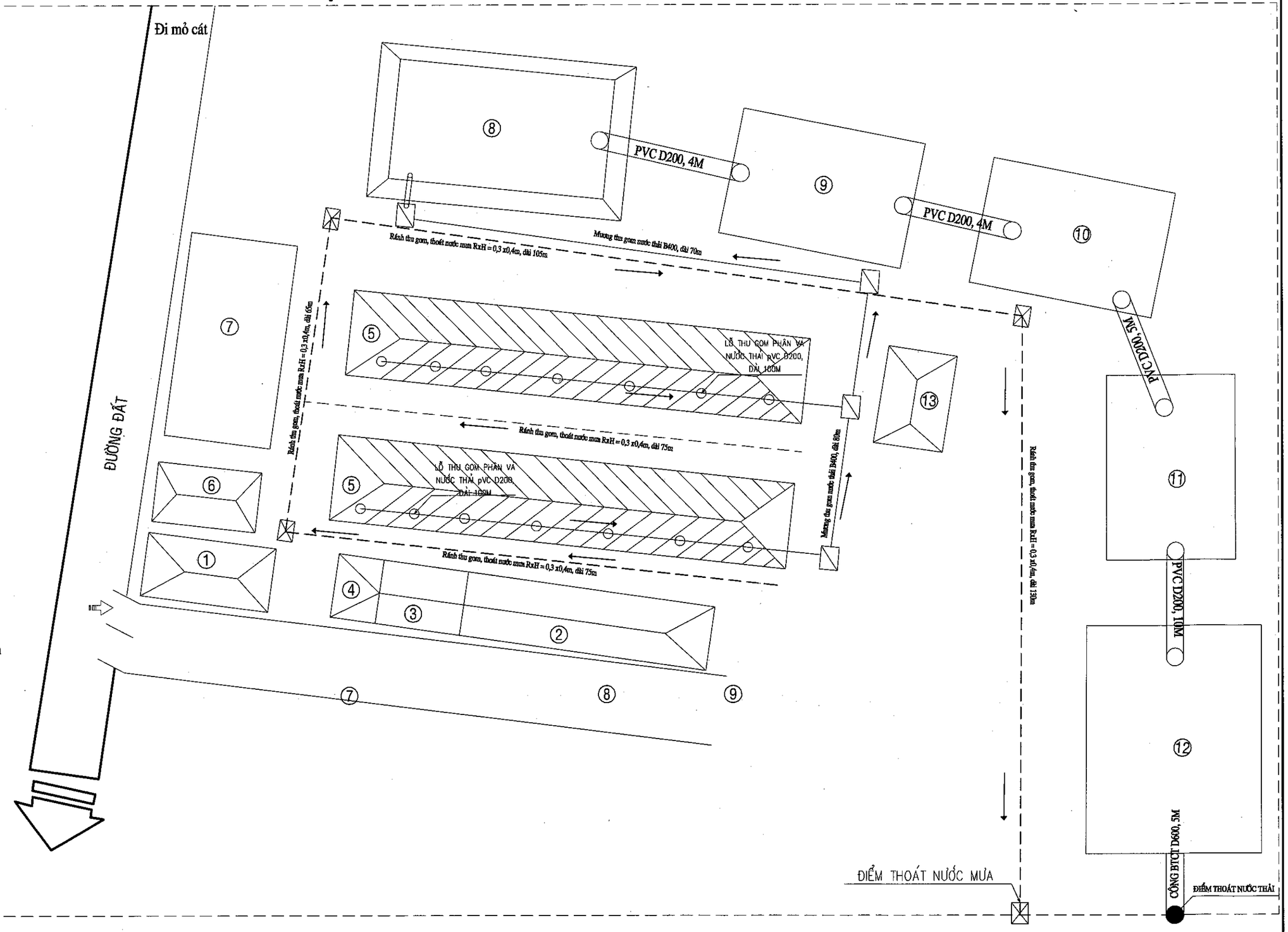

GHI CHÚ:

① - Nhà bảo vệ và khu khử trùng
② - Khu văn phòng và nhà ở công nhân
③ - Kho chứa thức ăn và thuốc thú y
④ - Kho chứa chất thải nguy hại
⑤ - Chuồng nuôi lợn
⑥ - Nhà để máy phát điện và thiết bị
⑦ - Khu xử lý nước cấp
⑧ - Bể biogas
⑨ - Hồ sinh học 1
⑩ - Hồ sinh học 2
⑪ - Hồ sinh học 3
⑫ - Hồ xử lý triệt để
⑬ - Khu cân lợn

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ CÔNG TY TNHH 1TV KỸ THUẬT TN VÀ MT Địa chỉ: số 236 đường Võ Nguyên Hiên - p.Hưng Dũng - Tp. Vinh - Nghệ An	GIÁM ĐỐC GIÁM ĐỐC Phạm Anh Tuấn	CHỦ TRÌ	TRẦN TRỌNG PHÚC	CƠ SỞ CHĂN NUÔI LỢN THƯƠNG PHẨM Địa chỉ: xóm Vạn Lộc 2 - Nghĩa Lộc - Nghĩa Đàn - Nghệ An	CHỦ CƠ SỞ LÊ DUY CHUNG
		THIẾT KẾ	NGUYỄN ĐÌNH SANG		
		TRIỂN KHAI	NGUYỄN ĐÌNH SANG		
		QLKT	LÊ TRUNG DŨNG		

CÔNG TRÌNH

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC CƠ SỞ

TỔNG BẢN VẼ: 06	BẢN VẼ SỐ: 01
LẦN XUẤT BẢN: 01	HOÀN THÀNH:

MẶT BẰNG TỔNG THỂ CỦA CƠ SỞ

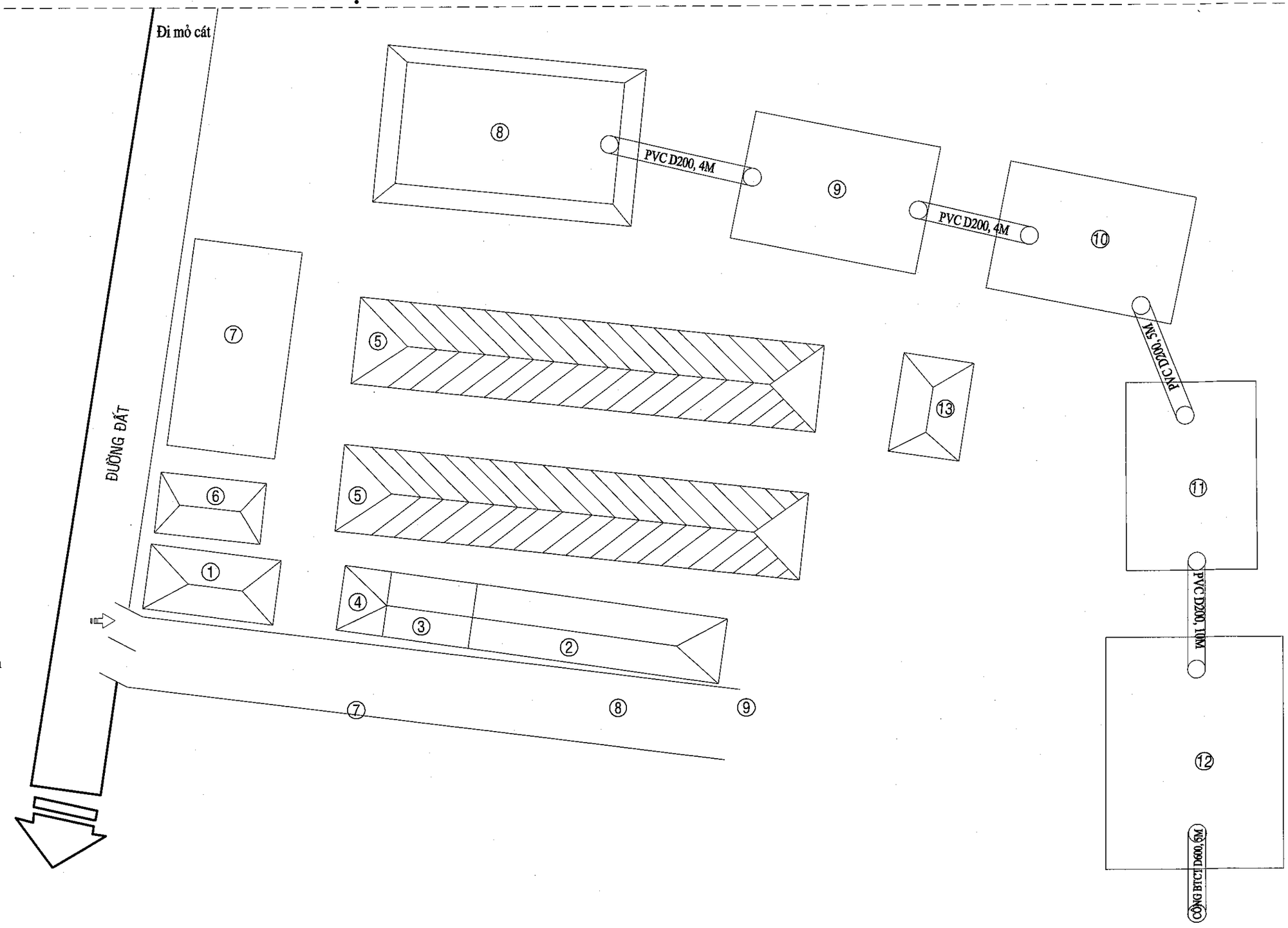

GHI CHÚ:

① - Nhà bảo vệ và khu khử trùng
② - Khu văn phòng và nhà ở công nhân
③ - Kho chứa thức ăn và thuốc thú y
④ - Kho chứa chất thải nguy hại
⑤ - Chuồng nuôi lợn
⑥ - Nhà để máy phát điện và thiết bị
⑦ - Khu xử lý nước cấp
⑧ - Bể biogas
⑨ - Hồ sinh học 1
⑩ - Hồ sinh học 2
⑪ - Hồ sinh học 3
⑫ - Hồ xử lý triệt để
⑬ - Khu cân lợn

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ CÔNG TY TNHH 1TV KỸ THUẬT TN VÀ MT Địa chỉ: số 236 đường Võ Nguyên Hiên - p.Hưng Dũng - Tp. Vinh - Nghệ An	GIÁM ĐỐC GIÁM ĐỐC Phạm Anh Tuấn	CHỦ TRÌ	TRẦN TRỌNG PHÚC	CƠ SỞ CHĂN NUÔI LỢN THƯƠNG PHẨM Địa chỉ: xóm Vạn Lộc - Nghĩa Lộc - Nghĩa Đàn - Nghệ An	CHỦ CƠ SỞ LÊ DUY CHUNG
		THIẾT KẾ	NGUYỄN ĐÌNH SANG		
		TRIỂN KHAI	NGUYỄN ĐÌNH SANG		
		QLKT	LÊ TRUNG DŨNG		

CÔNG TRÌNH

MẶT BẰNG TỔNG THỂ CƠ SỞ

TỔNG BẢN VẼ: 06	BẢN VẼ SỐ: 01
LẦN XUẤT BẢN: 01	HOÀN THÀNH:

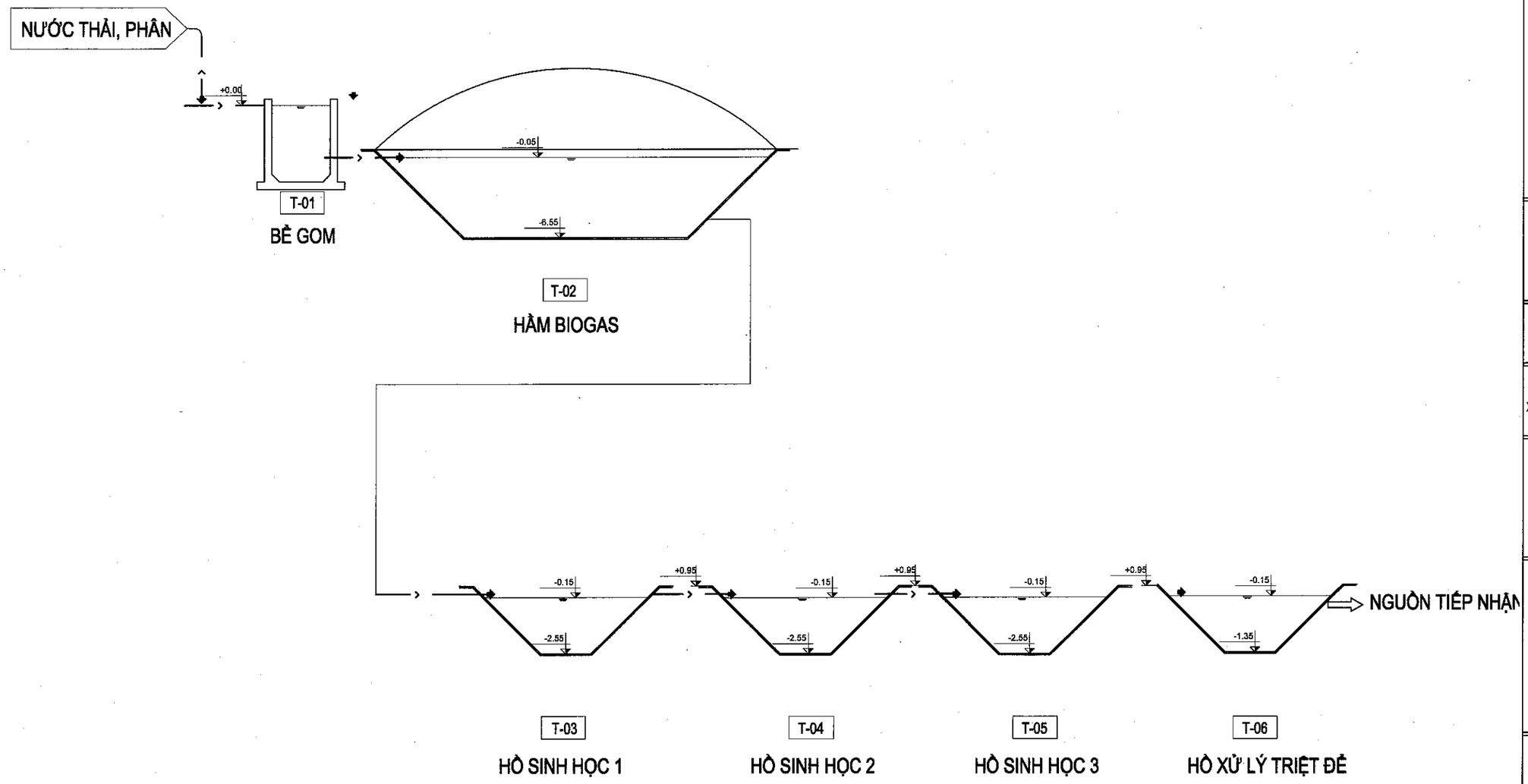

HIỆU CHỈNH	
LẦN	NỘI DUNG
1	
2	
3	

CHỦ ĐẦU TƯ

HỘ KINH DOANH

LÊ DUY CHUNG

DỰ ÁN

TRANG TRẠI CHĂN NUÔI LỢN THƯƠNG PHẨM

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XLNT CS 100M3/NGĐ

ĐỊA ĐIỂM

XỂM VẠN LỘC 2, XÃ NGHĨA LỘC, H. NGHĨA ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN

TÊN BẢN VẼ

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ XLNT

TN & MT
CÔNG TY TNHH 1TV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
ĐỊA CHỈ: SỐ 235 - VÕ NGUYÊN HIỂN - TP VINH
ĐIỆN THOẠI: 0386.250.236 FAX: 0383.592.198

GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Phạm Anh Cuấn

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KS. LÊ TRUNG DŨNG	
THIẾT KẾ KS. VÕ VĂN QUYỀN	
THỂ HIỆN KS. VÕ VĂN QUYỀN	
QL. KỸ THUẬT KS. LÊ TRUNG DŨNG	
TỶ LỆ BẢN VẼ	1/50
NGÀY HOÀN THÀNH	2022
GIAI ĐOẠN BẢN VẼ HOÀN CÔNG	KÝ HIỆU BẢN VẼ **XLNT-01**

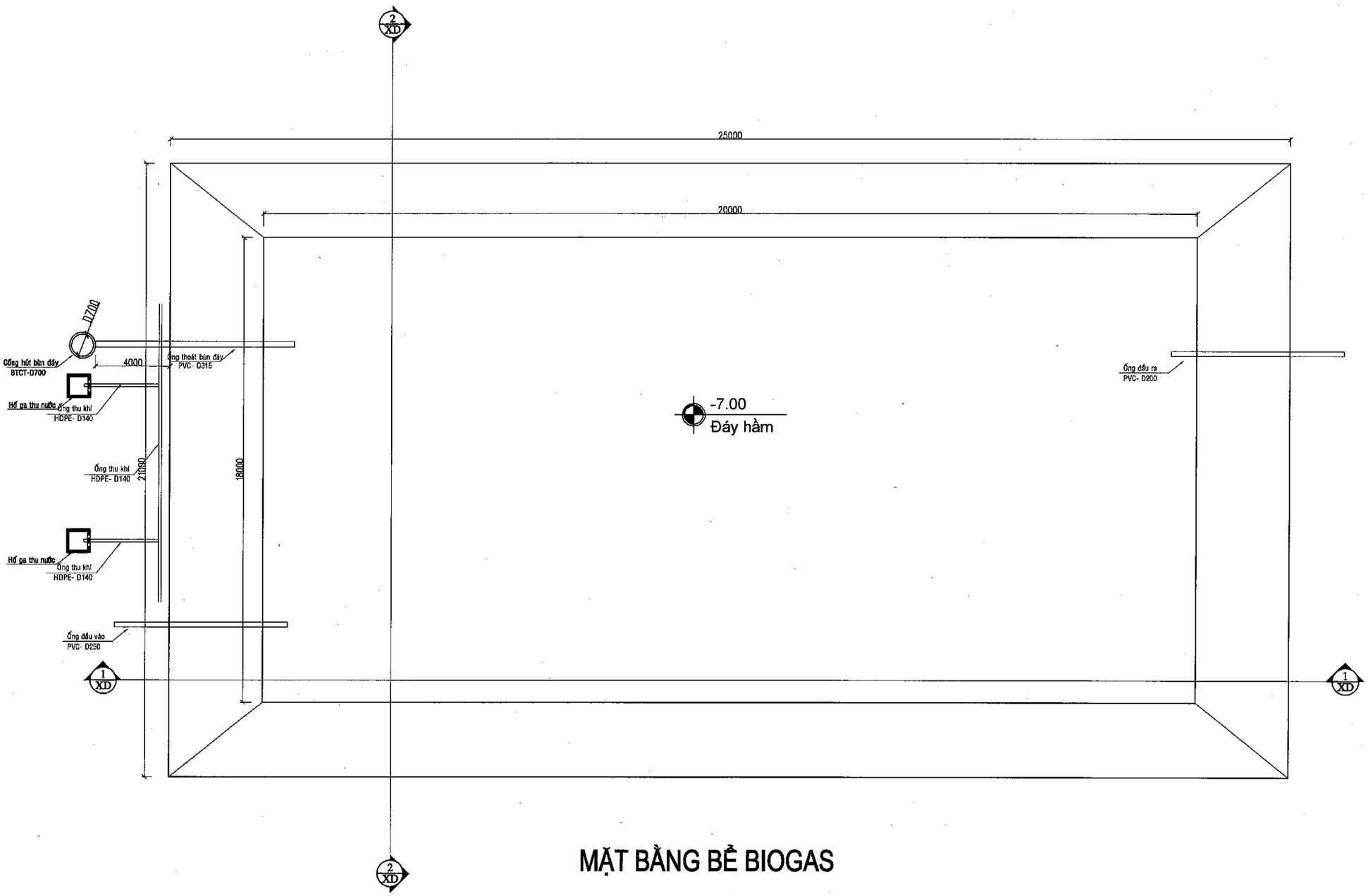

MẶT BẰNG BỂ BIOGAS

HIỆU CHỈNH	
LẦN	NỘI DUNG
1	
2	
3	

CHỦ ĐẦU TƯ

HỘ KINH DOANH

LÊ DUY CHUNG

DỰ ÁN

TRANG TRẠI CHĂN NUÔI LỢN THƯƠNG PHẨM

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XLNT CS 100M3/NGĐ

ĐỊA ĐIỂM

XỂM VẠN LỘC 2, XÃ NGHĨA LỘC, H. NGHĨA ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG HỒ BIOGAS

TN & MT

CÔNG TY TNHH 1TV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

ĐỊA CHỈ: SỐ 236 - VÕ NGUYÊN HIỂN - TP VINH

ĐIỆN THOẠI: 0386.250.236 FAX: 0383.592.198

GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Phạm Anh Tuấn

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KS. LÊ TRUNG DŨNG	
THIẾT KẾ KS. VÕ VĂN QUYỀN	
THỂ HIỆN KS. VÕ VĂN QUYỀN	
QL. KỸ THUẬT KS. LÊ TRUNG DŨNG	
TỶ LỆ BẢN VẼ	1/250
NGÀY HOÀN THÀNH	2022
GIAI ĐOẠN BẢN VẼ HOÀN CÔNG	KÝ HIỆU BẢN VẼ **XLNT-10**

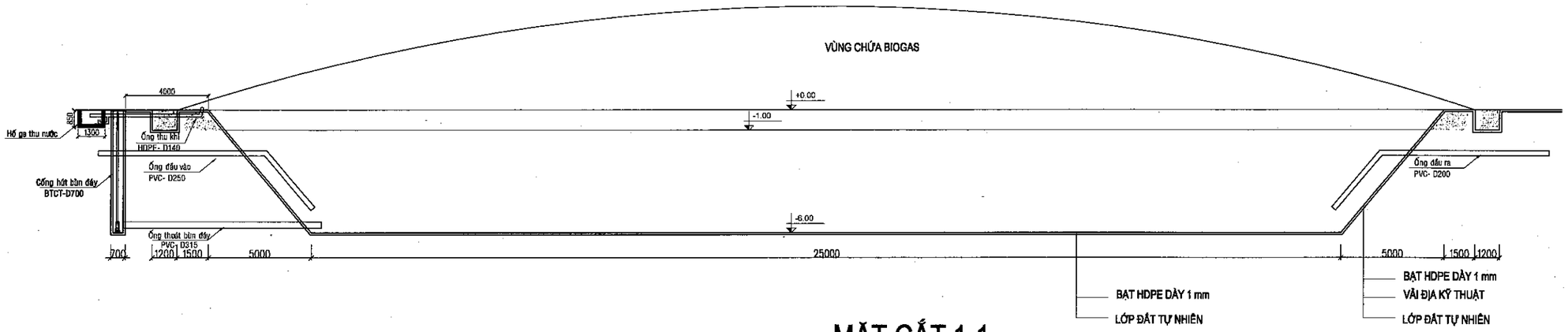

MẶT CẮT 1-1

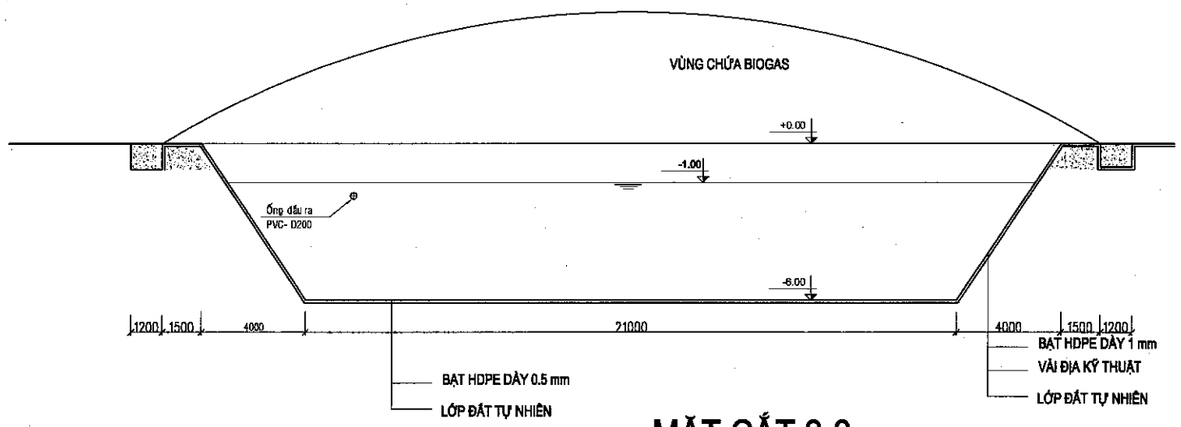

MẶT CẮT 2-2

HIỆU CHỈNH	
LẦN	NỘI DUNG
1	
2	
3	

CHỦ ĐẦU TƯ

HỘ KINH DOANH

LÊ DUY CHUNG

DỰ ÁN

TRANG TRẠI CHĂN NUÔI LỢN THƯƠNG PHẨM

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XLNT CS 100M3/NGĐ

ĐỊA ĐIỂM

XÉM VẠN LỘC 2, XÃ NGHĨA LỘC, H. NGHĨA ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN

TÊN BẢN VẼ

MẶT CẮT HỐ BIOGAS

TN & MT
CÔNG TY TNHH 1TV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
ĐỊA CHỈ: SỐ 236 - VÕ NGUYÊN HIỂN - TP VINH
ĐIỆN THOẠI: 0386.260.236 FAX: 0383.592.199

GIÁM ĐỐC

Phạm Anh Tuấn

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KS. LÊ TRUNG DŨNG	
THIẾT KẾ KS. VÕ VĂN QUYỀN	
THỂ HIỆN KS. VÕ VĂN QUYỀN	
QL. KỸ THUẬT KS. LÊ TRUNG DŨNG	
TỶ LỆ BẢN VẼ	1/75
NGÀY HOÀN THÀNH	2022
GIAI ĐOẠN BẢN VẼ HOÀN CÔNG	KÝ HIỆU BẢN VẼ **XLNT-11**

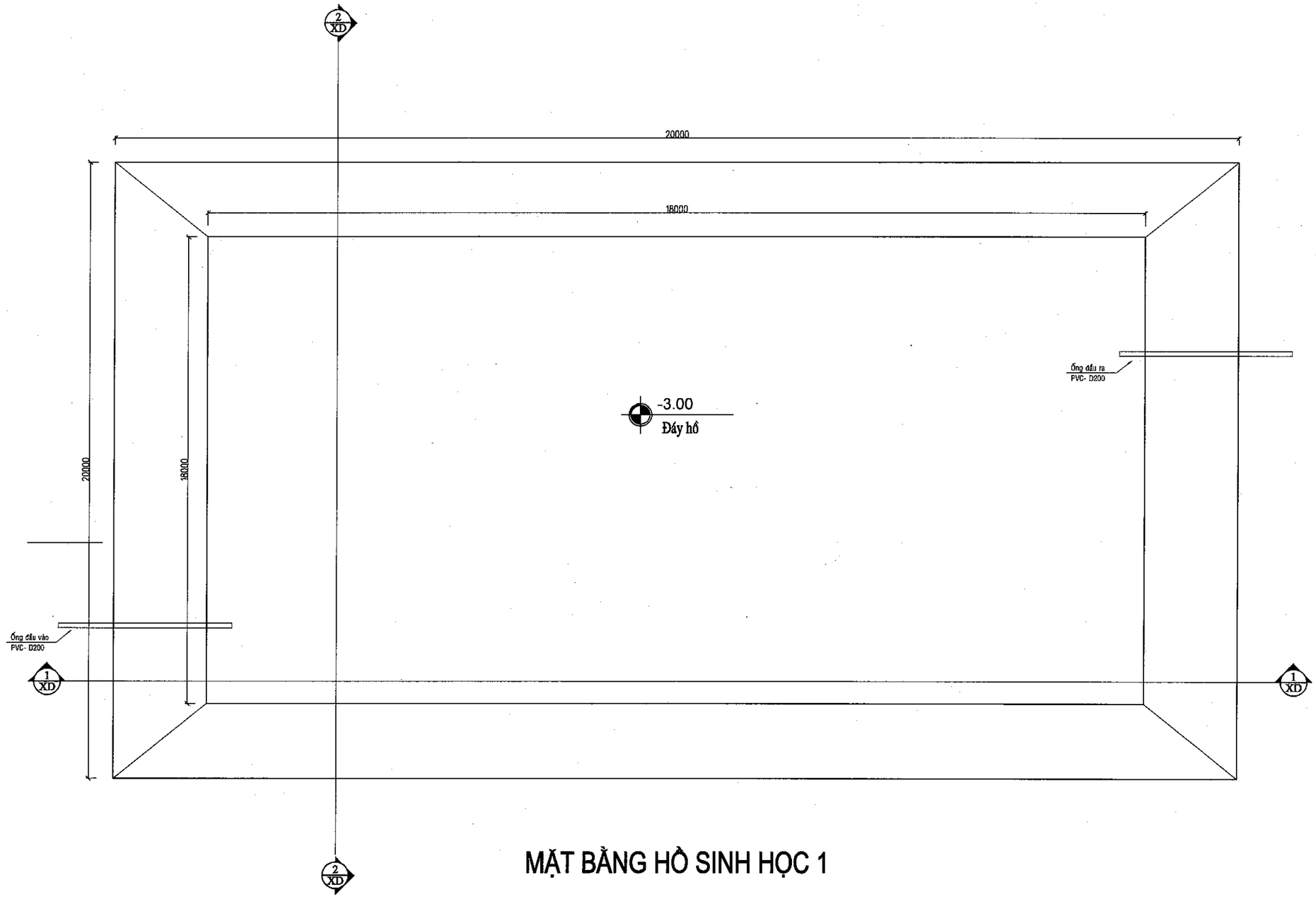

MẶT BẰNG HỒ SINH HỌC 1

HIỆU CHỈNH	
LẦN	NỘI DUNG
1	
2	
3	

CHỦ ĐẦU TƯ

HỘ KINH DOANH

LÊ DUY CHUNG

DỰ ÁN

TRANG TRẠI CHĂN NUÔI LỢN THƯƠNG PHẨM

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XLNT CS 100M3/NGĐ

ĐỊA ĐIỂM

XỂM VẠN LỘC 2, XÃ NGHĨA LỘC, H. NGHĨA ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG HỒ SINH HỌC 1

TN & MT
CÔNG TY TNHH 1TV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
ĐỊA CHỈ: SỐ 236 - VÕ NGUYÊN HIỂN - TP VINH
ĐIỆN THOẠI: 0386.250.236 FAX: 0383.592.198

GIÁM ĐỐC

Phạm Anh Tuấn

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KS. LÊ TRUNG DŨNG	
THIẾT KẾ KS. VÕ VĂN QUYỀN	
THỂ HIỆN KS. VÕ VĂN QUYỀN	
QL. KỸ THUẬT KS. LÊ TRUNG DŨNG	
TỶ LỆ BẢN VẼ	1/250
NGÀY HOÀN THÀNH	2022
GIAI ĐOẠN BẢN VẼ HOÀN CÔNG	KÝ HIỆU BẢN VẼ **XLNT-10**

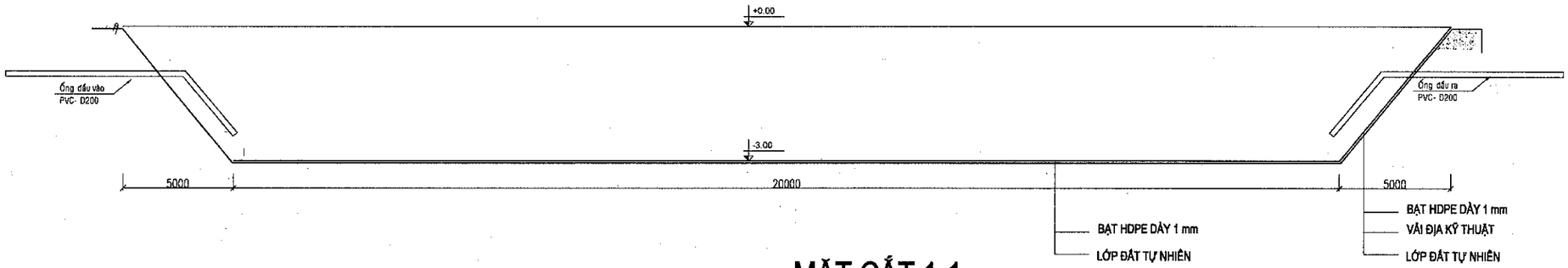

MẶT CẮT 1-1

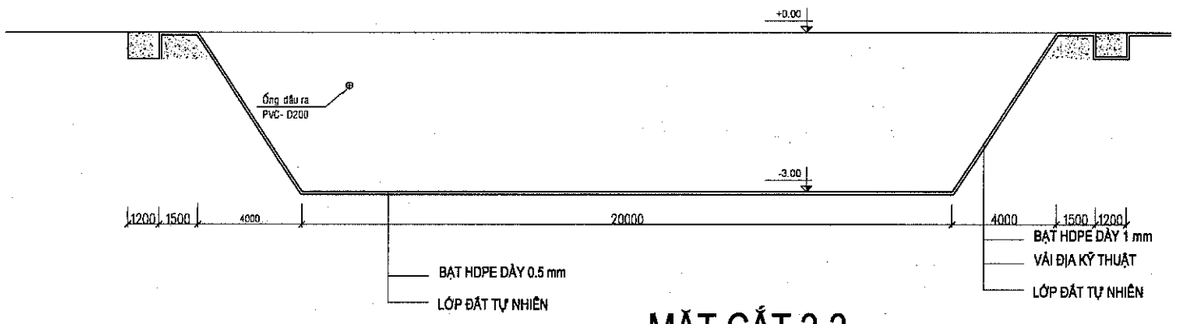

MẶT CẮT 2-2

HIỆU CHỈNH	
LẦN	NỘI DUNG
1	
2	
3	

CHỦ ĐẦU TƯ

HỘ KINH DOANH

LÊ DUY CHUNG

DỰ ÁN

TRANG TRẠI CHĂN NUÔI LỢN THƯƠNG PHẨM

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XLNT CS 100M3/NGĐ

ĐỊA ĐIỂM

XÓM VẠN LỘC 2, XÃ NGHĨA LỘC, H. NGHĨA ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN

TÊN BẢN VẼ

MẶT CẮT HỒ SINH HỌC 1

TN & MT
CÔNG TY TNHH 1TV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
ĐỊA CHỈ: SỐ 236 - VÕ NGUYÊN HIỂN - TP VINH
ĐIỆN THOẠI: 0386.250.236 FAX: 0383.592.198

GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Phạm Anh Tuấn

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KS. LÊ TRUNG DŨNG	
THIẾT KẾ KS. VÕ VĂN QUYỀN	
THỂ HIỆN KS. VÕ VĂN QUYỀN	
QL. KỸ THUẬT KS. LÊ TRUNG DŨNG	
TỶ LỆ BẢN VẼ	1/75
NGÀY HOÀN THÀNH	2022
GIAI ĐOẠN BẢN VẼ HOÀN CÔNG	KÝ HIỆU BẢN VẼ **XLNT-11**

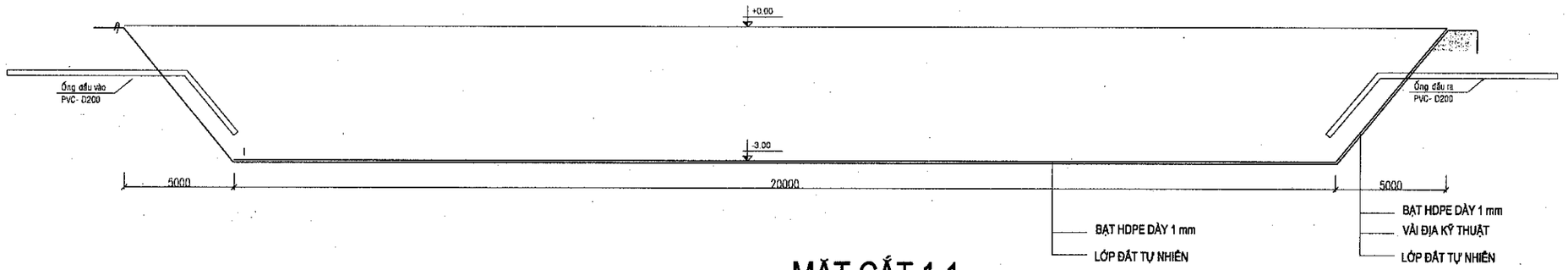

MẶT CẮT 1-1

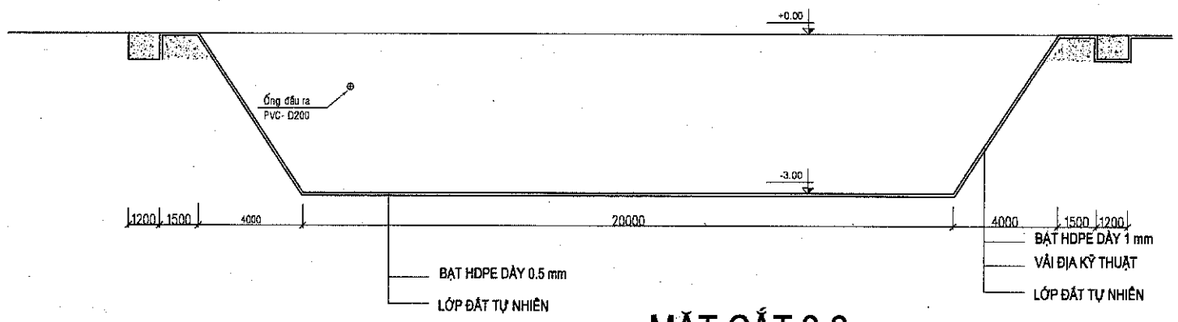

MẶT CẮT 2-2

HIỆU CHỈNH	
LẦN	NỘI DUNG
1	
2	
3	

CHỦ ĐẦU TƯ

HỘ KINH DOANH

LÊ DUY CHUNG

DỰ ÁN

TRANG TRẠI CHĂN NUÔI LỢN THƯƠNG PHẨM

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XLNT CS 100M3/NGĐ

ĐỊA ĐIỂM

XỂM VẠN LỘC 2, XÃ NGHĨA LỘC, H. NGHĨA ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN

TÊN BẢN VẼ

MẶT CẮT HỒ SINH HỌC 2

TN & MT
CÔNG TY TNHH 1TV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
ĐỊA CHỈ: SỐ 236 - VÕ NGUYÊN HIỂN - TP VINH
ĐIỆN THOẠI: 0386.250.236 FAX: 0383.592.198

GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Phạm Anh Tuấn

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KS. LÊ TRUNG DŨNG	
THIẾT KẾ KS. VÕ VĂN QUYỀN	
THỂ HIỆN KS. VÕ VĂN QUYỀN	
QL. KỸ THUẬT KS. LÊ TRUNG DŨNG	
TỶ LỆ BẢN VẼ	1/75
NGÀY HOÀN THÀNH	2022
GIAI ĐOẠN BẢN VẼ HOÀN CÔNG	KÝ HIỆU BẢN VẼ **XLNT-11**

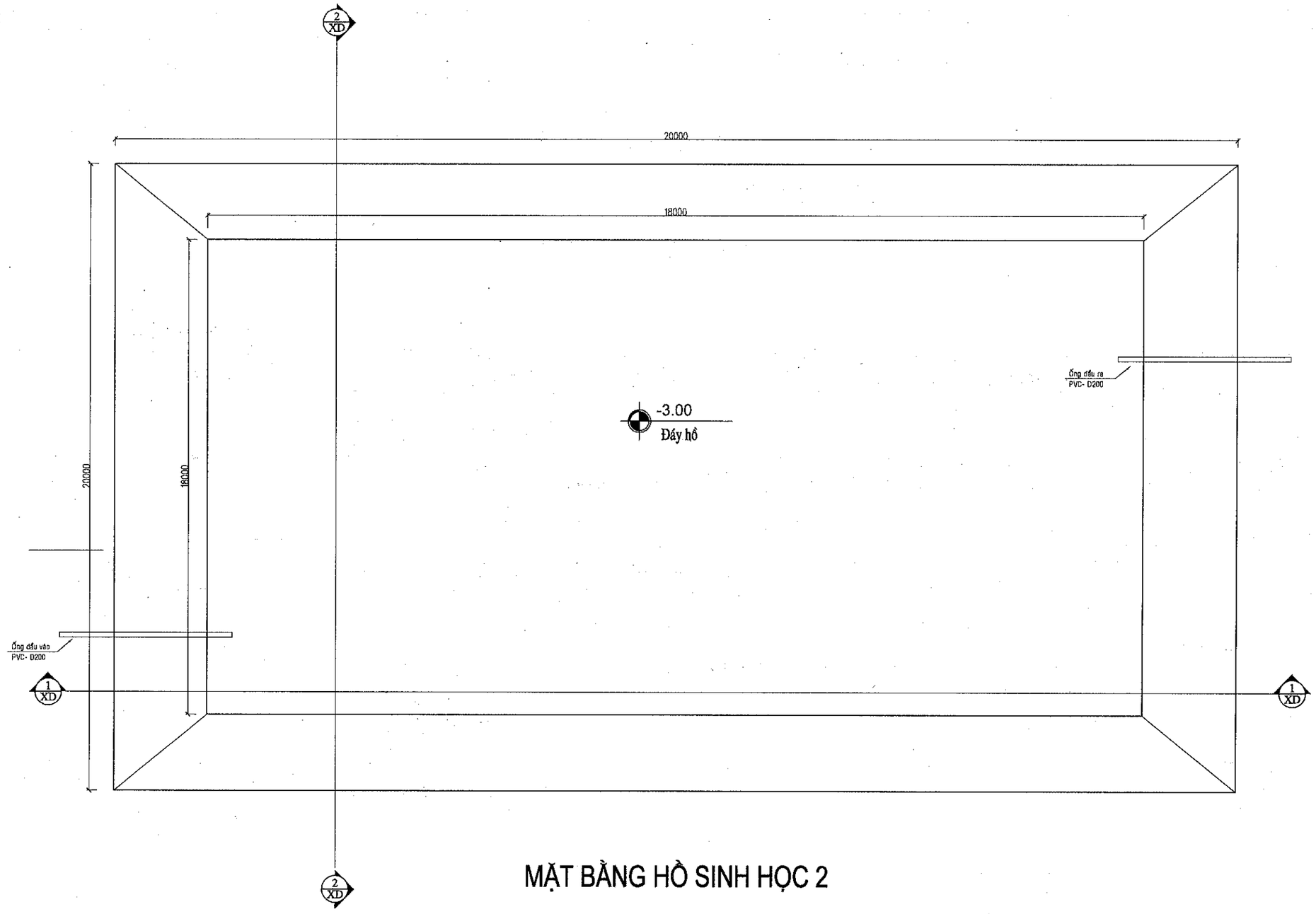

MẶT BẰNG HỒ SINH HỌC 2

HIỆU CHỈNH	
LẦN	NỘI DUNG
1	
2	
3	

CHỦ ĐẦU TƯ

HỘ KINH DOANH

LÊ DUY CHUNG

DỰ ÁN

TRANG TRẠI CHĂN NUÔI LỢN THƯƠNG PHẨM

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XLNT CS 100M3/NGĐ

ĐỊA ĐIỂM

XỂM VẠN LỘC 2, XÃ NGHĨA LỘC, H. NGHĨA ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG HỒ SINH HỌC 2

TN & MT
CÔNG TY TNHH 1TV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
ĐỊA CHỈ: SỐ 236 - VÕ NGUYÊN HIỂN - TP VINH
ĐIỆN THOẠI: 0386.250.236 FAX: 0383.592.198

GIÁM ĐỐC

Phạm Anh Tuấn

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KS. LÊ TRUNG DŨNG	
THIẾT KẾ KS. VÕ VĂN QUYỀN	
THỂ HIỆN KS. VÕ VĂN QUYỀN	
QL. KỸ THUẬT KS. LÊ TRUNG DŨNG	
TỶ LỆ BẢN VẼ	1/250
NGÀY HOÀN THÀNH	2022
GIAI ĐOẠN BẢN VẼ HOÀN CÔNG	KÝ HIỆU BẢN VẼ **XLNT-10**

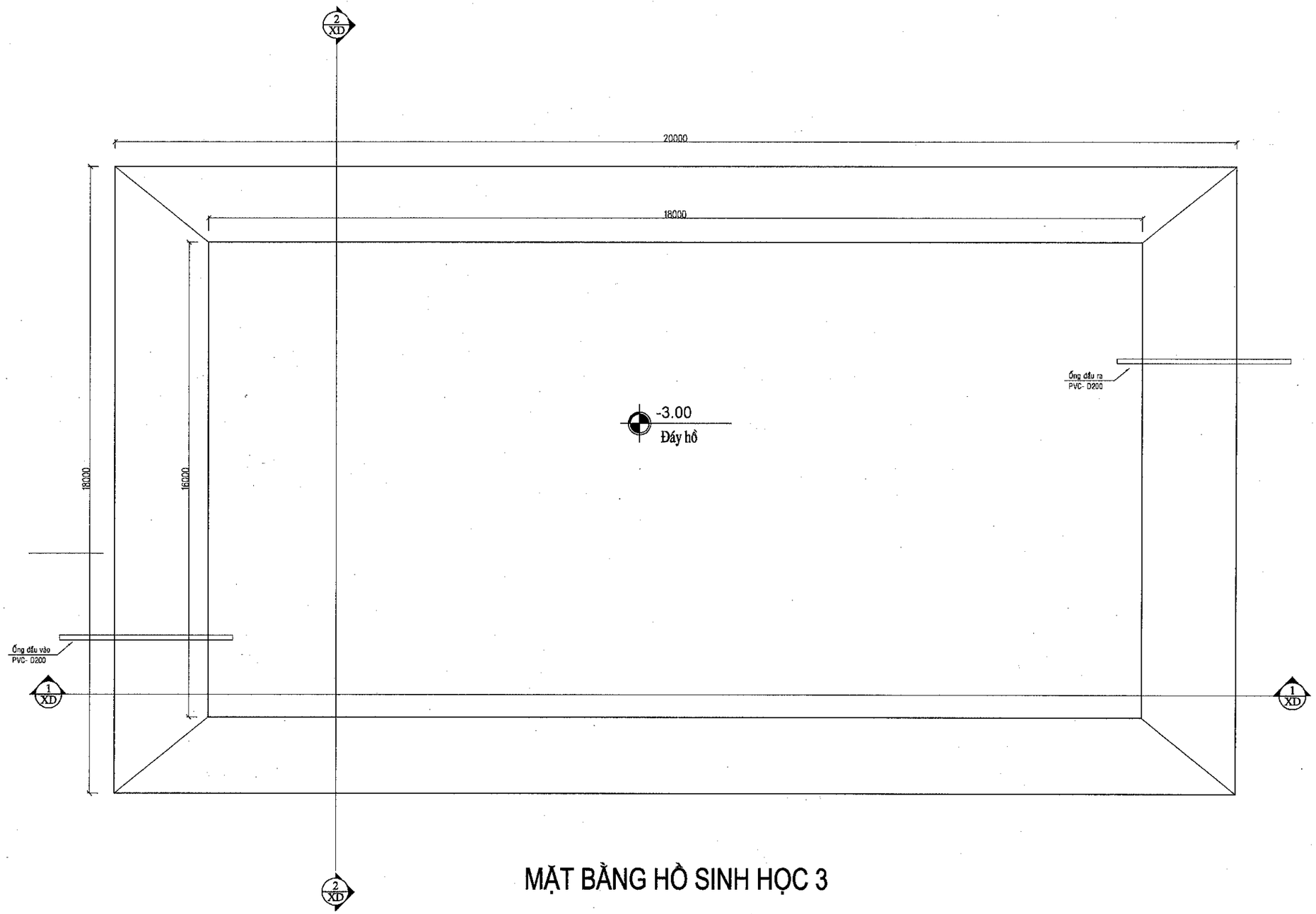

MẶT BẰNG HỒ SINH HỌC 3

HIỆU CHỈNH	
LẦN	NỘI DUNG
1	
2	
3	

CHỦ ĐẦU TƯ

HỘ KINH DOANH

LÊ DUY CHUNG

DỰ ÁN

TRANG TRẠI CHĂN NUÔI LỢN THƯƠNG PHẨM

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XLNT CS 100M3/NGĐ

ĐỊA ĐIỂM

XÉM VẠN LỘC 2, XÃ NGHĨA LỘC, H. NGHĨA ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG HỒ SINH HỌC 3

TN & MT

CÔNG TY TNHH 1TV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

ĐỊA CHỈ: SỐ 236 - VÕ NGUYÊN HIẾN - TP VINH

ĐIỆN THOẠI: 0386.250.236 FAX: 0383.692.198

GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Phạm Anh Tuấn

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KS. LÊ TRUNG DŨNG	
THIẾT KẾ KS. VÕ VĂN QUYỀN	
THỂ HIỆN KS. VÕ VĂN QUYỀN	
QL. KỸ THUẬT KS. LÊ TRUNG DŨNG	
TỶ LỆ BẢN VẼ	1/250
NGÀY HOÀN THÀNH	2022
GIAI ĐOẠN BẢN VẼ HOÀN CÔNG	KÝ HIỆU BẢN VẼ **XLNT-10**

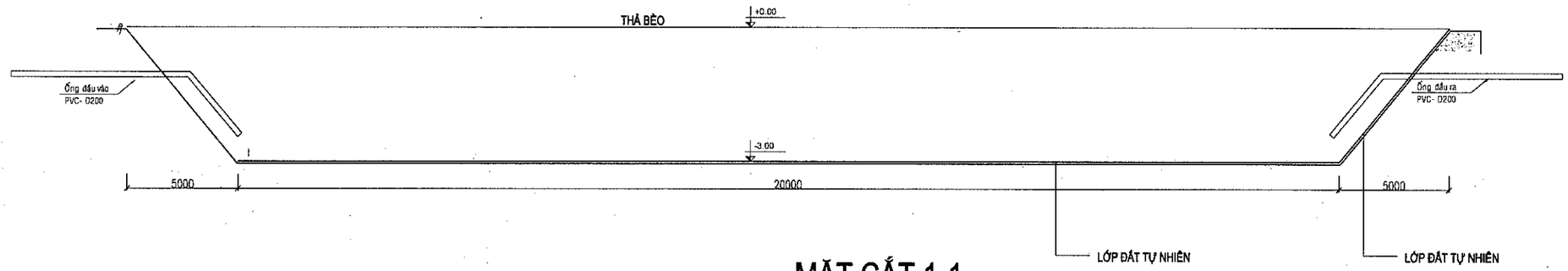

MẶT CẮT 1-1

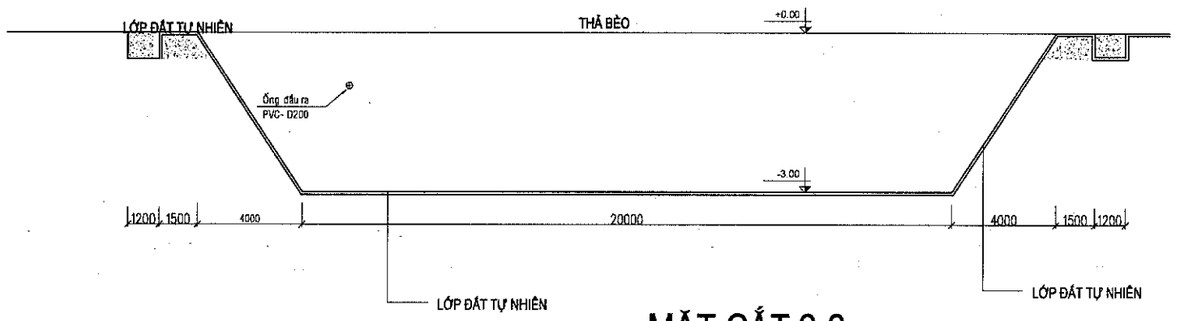

MẶT CẮT 2-2

HIỆU CHỈNH	
LẦN	NỘI DUNG
1	
2	
3	

CHỦ ĐẦU TƯ

HỘ KINH DOANH

LÊ DUY CHUNG

DỰ ÁN

TRANG TRẠI CHĂN NUÔI LỢN THƯƠNG PHẨM

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XLNT CS 100M3/NGĐ

ĐỊA ĐIỂM

XÓM VẠN LỘC 2, XÃ NGHĨA LỘC, H. NGHĨA ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN

TÊN BẢN VẼ

MẶT CẮT HỒ SINH HỌC 3

TN & MT
CÔNG TY TNHH 1TV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
ĐỊA CHỈ: SỐ 236 - VÕ NGUYÊN HIỂN - TP VINH
ĐIỆN THOẠI: 0386.250.236 FAX: 0383.592.196

GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Phạm Anh Tuấn

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KS. LÊ TRUNG DŨNG	
THIẾT KẾ KS. VÕ VĂN QUYỀN	
THỂ HIỆN KS. VÕ VĂN QUYỀN	
QL. KỸ THUẬT KS. LÊ TRUNG DŨNG	
TỶ LỆ BẢN VẼ	1/75
NGÀY HOÀN THÀNH	2022
GIAI ĐOẠN BẢN VẼ HOÀN CÔNG	KÝ HIỆU BẢN VẼ **XLNT-11**

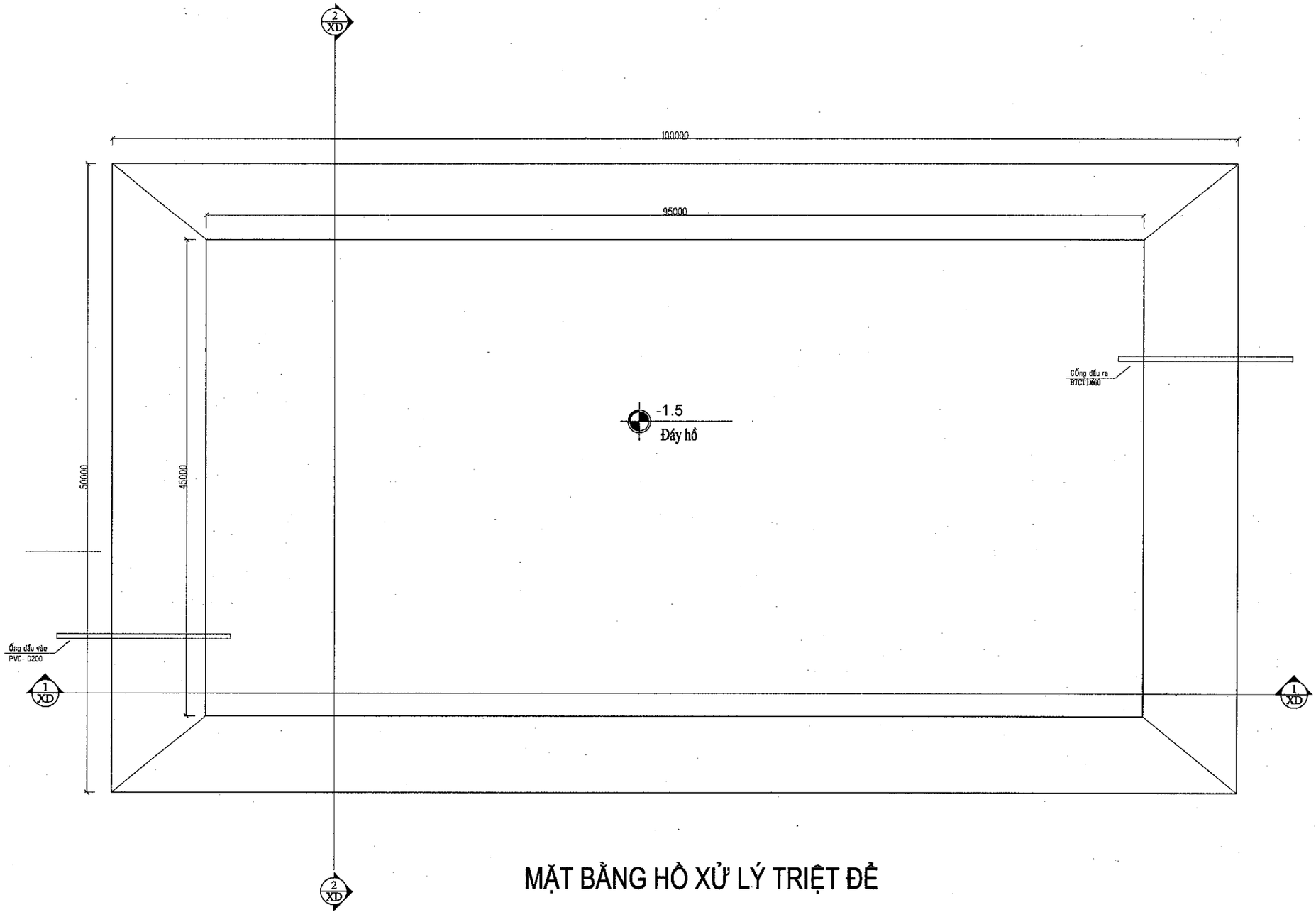

MẶT BẰNG HỒ XỬ LÝ TRIỆT ĐỂ

HIỆU CHỈNH	
LẦN	NỘI DUNG
1	
2	
3	

CHỦ ĐẦU TƯ

HỘ KINH DOANH

LÊ DUY CHUNG

DỰ ÁN

TRANG TRẠI CHĂN NUÔI LỢN THƯƠNG PHẨM

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XLNT CS 100M3/NGĐ

ĐỊA ĐIỂM

XÓM VẠN LỘC 2, XÃ NGHĨA LỘC, H. NGHĨA ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG HỒ XỬ LÝ TRIỆT ĐỂ

TN & MT
CÔNG TY TNHH 1TV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
ĐỊA CHỈ: SỐ 236 - VÕ NGUYÊN HIỂN - TP VINH
ĐIỆN THOẠI: 0386.250.236 FAX: 0383.592.198

GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Phạm Anh Tuấn

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KS. LÊ TRUNG DŨNG	
THIẾT KẾ KS. VÕ VĂN QUYỀN	
THỂ HIỆN KS. VÕ VĂN QUYỀN	
QL. KỸ THUẬT KS. LÊ TRUNG DŨNG	
TỶ LỆ BẢN VẼ	1/250
NGÀY HOÀN THÀNH	2022
GIAI ĐOẠN BẢN VẼ HOÀN CÔNG	KÝ HIỆU BẢN VẼ **XLNT-10**

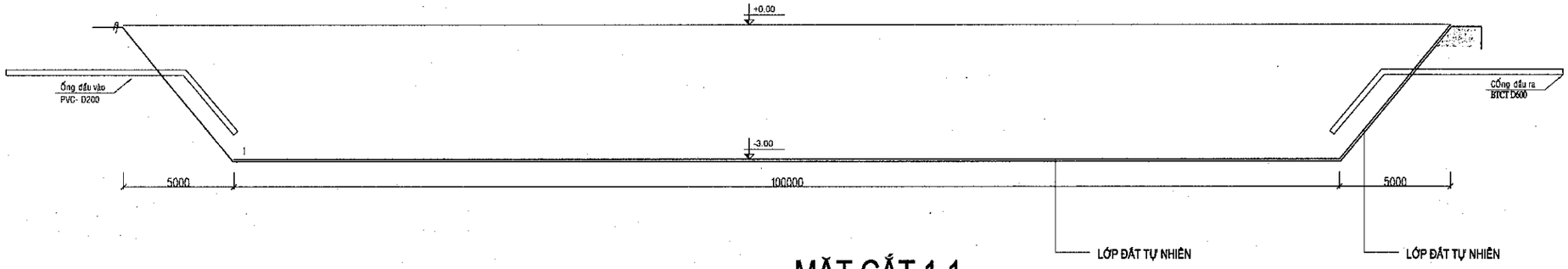

MẶT CẮT 1-1

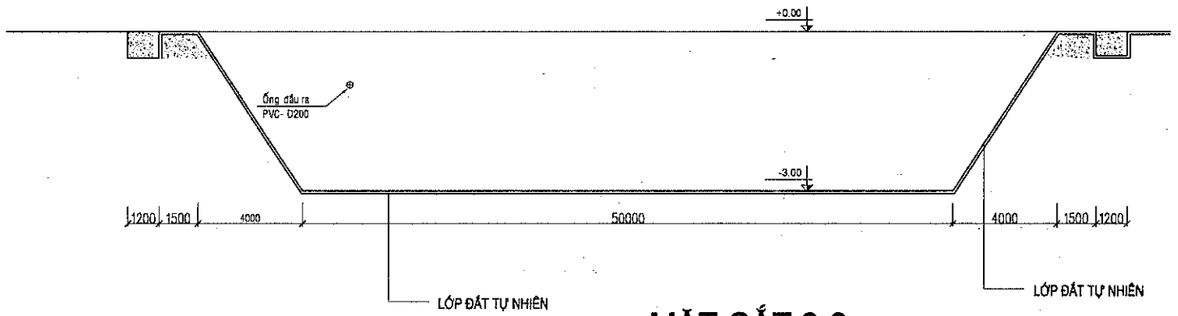

MẶT CẮT 2-2

HIỆU CHỈNH	
LẦN	NỘI DUNG
1	
2	
3	

CHỦ ĐẦU TƯ

HỘ KINH DOANH

LÊ DUY CHUNG

DỰ ÁN

TRANG TRẠI CHĂN NUÔI LỢN THƯƠNG PHẨM

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XLNT CS 100M3/NGĐ

ĐỊA ĐIỂM

XÓM VẠN LỘC 2, XÃ NGHĨA LỘC, H. NGHĨA ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN

TÊN BẢN VẼ

MẶT CẮT HỒ XỬ LÝ TRIỆT ĐỂ

TN & MT
CÔNG TY TNHH 1TV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
ĐỊA CHỈ: SỐ 236 - VÕ NGUYÊN HIỂN - TP VINH
ĐIỆN THOẠI: 0386.250.236 FAX: 0383.592.198

GIÁM ĐỐC

Phạm Anh Tuấn

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KS. LÊ TRUNG DŨNG	
THIẾT KẾ KS. VÕ VĂN QUYỀN	
THỂ HIỆN KS. VÕ VĂN QUYỀN	
QL. KỸ THUẬT KS. LÊ TRUNG DŨNG	
TỶ LỆ BẢN VẼ	1/75
NGÀY HOÀN THÀNH	2022
GIAI ĐOẠN BẢN VẼ HOÀN CÔNG	KÝ HIỆU BẢN VẼ **XLNT-11**